

Bản án số: 18/2025/KDTM-PT
Ngày 06-3-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Luật;
Ông Phan Trí Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Xông – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03 và 06 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 78/2024/TLPT-KDTM ngày 11 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 59/2024/KDTM-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2025/QĐXX-PT ngày 07 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (viết tắt là B); trụ sở chính: Tháp B, A đường T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Số A, đường Đ, KCN S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng T, ông Võ Triều T1, ông Ma Lê Huy P và ông Trần Đỗ Khoa H; cùng địa chỉ: số A, đường Đ, KCN S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 04/9/2024); có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH D; địa chỉ: Lô A Khu A, KCN T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà Phạm Thị Tuyết N, sinh năm 1959; địa chỉ: B V, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng T2, sinh năm 1995; địa chỉ: C, đường L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, là đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 16/01/2025); có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH D1; địa chỉ: Lô A Khu A, Khu công nghiệp T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH D2 Ông Phan Xuân H1, sinh năm 1985; địa chỉ: Số G đường D T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (văn bản uỷ quyền ngày 18/6/2024); có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. Công ty TNHH S; địa chỉ: 5 M, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH S: Ông Đoàn Thanh H2, sinh năm 1980; địa chỉ: số E M, phường L, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo pháp luật; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

3. Công ty TNHH S; địa chỉ: Lô I.11 Đường số D, khu công nghiệp T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH S: Ông Phan Xuân H1, sinh năm 1985; địa chỉ: số G đường D T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

4. Công ty Cổ phần H4; địa chỉ: Tầng H, Tòa nhà M, C L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần H4: Bà Lê Diệu Q, sinh năm 1992, địa chỉ: B P, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương là đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền số 21/2025/GUQ-MSQ ngày 25/02/2025); có mặt.

5. Công ty TNHH MTV H4; địa chỉ: Lô F, Khu công nghiệp T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH MTV H4: Bà Lê Diệu Q, sinh năm 1992, địa chỉ: B P, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương là đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền số 14/2025/GUQ-MSQ ngày 25/02/2025); có mặt.

6. Công ty Cổ phần B1; địa chỉ: đường D, KCN L - B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần B1: Bà Lê Diệu Q, sinh năm 1992, địa chỉ: B P, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương là đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền số 15/2025/GUQ-MSQ ngày 25/02/2025); có mặt.

- Người làm chứng:

1. Công ty TNHH D3; địa chỉ: 3, Đường A, Khu phố G, phường T, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH D3: Bà Từ Lệ Q1, sinh năm 1982; địa chỉ: 3, Đường A, Khu phố G, phường T, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh, là đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc), vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Ông Đoàn Dương L, sinh năm 1981; thường trú: địa chỉ: 3, Đường A, Khu phố G, phường T, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn Công ty TNHH D

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/02/2024, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 08/7/2024, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ do ông Võ Triều T1 và ông Trần Đỗ Khoa H là đại diện trình bày:

Giữa Ngân hàng TMCP Đ (gọi tắt là B) với Công ty TNHH D (gọi tắt là Công ty D) có ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/277779/HĐTD ngày 02/6/2022 với nội dung B cấp cho Công ty D hạn mức tín dụng thường xuyên 250.000.000.000 đồng theo hình thức cho vay từng lần, tức giải ngân trên cơ sở đảm bảo dư nợ của bị đơn không vượt 250.000.000.000 đồng. Mỗi lần vay vốn các bên sẽ ký kết một hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể để ghi nhận thông tin về khoản vay từng lần bao gồm thời hạn vay, lãi suất cho vay và cơ chế điều chỉnh lãi suất. Ngoài ra, các bên còn thỏa thuận lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngày 16/06/2023 giữa B với Công ty D có ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/277779/HĐTD với nội dung B cấp cho Công ty D hạn mức tín dụng thường xuyên 250.000.000.000 đồng (trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ của Công ty D tại B được chuyển tiếp từ các hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể theo Hợp đồng hạn mức số 01/2022/277779/HĐTD ngày 02/6/2022 sang. Việc cấp tín dụng vẫn theo hình thức cho vay từng lần, mỗi lần vay vốn các bên sẽ ký kết một hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể để ghi nhận thông tin về khoản vay từng lần bao gồm thời hạn vay, lãi suất cho vay và cơ chế điều chỉnh lãi suất. Ngoài ra, các bên còn thỏa thuận lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Theo đó, B đã giải ngân tổng số tiền 252.041.795.686 theo các hợp đồng tín dụng cụ thể sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 01.230/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 191.111.896 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là từ ngày 27/04/2023 đến ngày 27/02/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/05/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 12.037.431 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 209.599.632 đồng bao gồm tiền gốc

191.111.896 đồng; tiền lãi trong hạn là 1.541.986 đồng; tiền lãi quá hạn là 16.489.345 đồng và tiền lãi chậm trả lãi là 456.405 đồng.

2. Hợp đồng tín dụng số 01.229/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 192.644.956 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là từ ngày 27/04/2023 đến ngày 27/02/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/05/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 12.133.993 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 211.280.920 đồng bao gồm tiền gốc 192.644.956 đồng; tiền lãi trong hạn là 1.554.355 đồng; tiền lãi quá hạn là 16.621.519 đồng; lãi chậm trả lãi là 460.090 đồng.

3. Hợp đồng tín dụng số 01.228/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 4.042.285.832 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là từ ngày 27/04/2023 đến ngày 27/02/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/05/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 2.298.101.423 đồng trong đó tiền gốc 2.045.278.559 đồng và tiền lãi trong hạn 252.822.864 đồng; còn nợ 2.190.375.696 đồng bao gồm tiền gốc 1.997.007.273 đồng; tiền lãi trong hạn là 16.284.621 đồng; tiền lãi quá hạn là 172.303.525 đồng; lãi chậm trả lãi là 4.780.277 đồng.

4. Hợp đồng tín dụng số 01.68/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 377.496.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,1%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 28/10/2022 đến ngày 28/6/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/11/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 28/02/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 22.681.821 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 430.647.163 đồng bao gồm tiền gốc 377.496.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 20.046.589 đồng; tiền lãi quá hạn là 31.152.265 đồng và lãi chậm trả lãi là 1.952.308 đồng.

5. Hợp đồng tín dụng số 01.69/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 483.429.018 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,1%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 28/10/2022 đến ngày 28/6/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/11/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 28/02/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 54.718.867 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 524.189.461 đồng bao gồm tiền gốc 483.429.018 đồng; tiền lãi trong hạn là 0 đồng; tiền lãi quá hạn là 39.894.138 đồng và lãi chậm trả lãi là 866.305 đồng.

6. Hợp đồng tín dụng số 01.05/2023/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 1.000.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 28/06/2023 đến ngày 28/02/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/07/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 49.315.068 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.101.691.896 đồng bao gồm tiền gốc 1.000.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 8.493.151 đồng; tiền lãi quá hạn là 90.684.873 đồng; lãi chậm trả lãi là 2.513.872 đồng.

7. Hợp đồng tín dụng số 01.67/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 600.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,1%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 28/10/2022 đến ngày 28/6/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/11/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 28/02/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 56.050.959 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 663.208.345 đồng bao gồm tiền gốc 600.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 11.862.466 đồng; tiền lãi quá hạn là 49.514.066 đồng; lãi chậm trả lãi là 1.831.813 đồng.

8. Hợp đồng tín dụng số 01.04/2023/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 1.000.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 28/06/2023 đến ngày 28/02/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/07/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 49.315.068 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.101.691.896 đồng bao gồm tiền gốc 1.000.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 8.493.151 đồng; tiền lãi quá hạn là 90.684.873 đồng; lãi chậm trả lãi là 2.513.872 đồng.

9. Hợp đồng tín dụng số 01.70/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 150.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 01/11/2022 đến ngày 01/7/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/11/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 01/3/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 9.739.726 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 173.167.505 đồng bao gồm tiền gốc 150.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 8.753.425 đồng; tiền lãi quá hạn là 13.561.654 đồng; lãi chậm trả lãi là 852.426 đồng.

10. Hợp đồng tín dụng số 01.72/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 1.200.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 03/11/2022 đến ngày 03/7/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/11/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 01/3/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 77.260.274 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.385.340.085 đồng bao gồm tiền gốc 1.200.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 70.027.397 đồng; tiền lãi quá hạn là 108.493.235 đồng; lãi chậm trả lãi là 6.819.452 đồng.

11. Hợp đồng tín dụng số 01.71/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 900.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 02/11/2022 đến ngày 02/7/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/11/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 01/3/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 110.712.329 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 983.137.567 đồng bao gồm tiền gốc 900.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 0 đồng; tiền lãi quá hạn là 81.369.926 đồng; lãi chậm trả lãi là 1.767.641 đồng.

12. Hợp đồng tín dụng số 01.231/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 1.937.978.340 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 04/05/2023 đến ngày 04/03/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/05/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 124.773.948 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 2.133.724.735 đồng bao gồm tiền gốc 1.937.978.340 đồng; tiền lãi trong hạn là 16.459.542 đồng; tiền lãi quá hạn là 174.417.958 đồng; lãi chậm trả lãi là 4.868.895 đồng.

13. Hợp đồng tín dụng số 01.232/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 152.093.784 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 05/05/2023 đến ngày 05/03/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/05/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 9.750.669 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 167.435.226 đồng bao gồm tiền gốc 152.093.784 đồng; tiền lãi trong hạn là 1.291.755 đồng; tiền lãi quá hạn là 13.667.650 đồng; lãi chậm trả lãi là 382.036 đồng.

14. Hợp đồng tín dụng số 01.74/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 193.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 09/11/2022 đến ngày 09/7/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/11/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 08/3/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 12.108.767 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 222.623.009 đồng bao gồm tiền gốc 193.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 11.262.740 đồng; tiền lãi quá hạn là 17.264.180 đồng; lãi chậm trả lãi là 1.096.089 đồng.

15. Hợp đồng tín dụng số 01.75/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 290.909.059 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 10/11/2022 đến ngày 10/7/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/11/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 08/3/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 18.171.854 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 335.560.017 đồng bao gồm tiền gốc 290.909.059 đồng; tiền lãi trong hạn là 16.976.336 đồng; tiền lãi quá hạn là 26.022.496 đồng; lãi chậm trả lãi là 1.652.126 đồng.

16. Hợp đồng tín dụng số 01.73/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 188.748.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 09/11/2022 đến ngày 09/7/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/11/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 08/3/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 22.856.607 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 206.003.740 đồng bao gồm tiền gốc 188.748.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 0 đồng; tiền lãi quá hạn là 16.883.917 đồng; lãi chậm trả lãi là 371.823 đồng.

17. Hợp đồng tín dụng số 01.233/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 530.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn

hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 08/05/2023 đến ngày 08/03/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/05/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 33.542.466 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 583.241.193 đồng bao gồm tiền gốc 530.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 4.501.370 đồng; tiền lãi quá hạn là 47.409.637 đồng; lãi chậm trả lãi là 1.330.186 đồng.

18. Hợp đồng tín dụng số 01.236/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 670.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 09/05/2023 đến ngày 09/3/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/05/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Do ngày kết thúc thời hạn vay trùng vào ngày nghỉ cuối tuần nên B tính trên nguyên tắc có lợi cho bị đơn, cụ thể ngày kết thúc thời hạn vay là ngày làm việc liền kề của ngày nghỉ là tức thời hạn vay đến ngày 11/3/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 42.219.178 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 737.027.741 đồng bao gồm tiền gốc 670.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 5.690.411 đồng; tiền lãi quá hạn là 59.657.567 đồng; lãi chậm trả lãi là 1.679.763 đồng.

19. Hợp đồng tín dụng số 01.234/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 845.807.590 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 08/05/2023 đến ngày 08/03/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/05/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Do công ty gửi hồ sơ vào cuối giờ chiều nên B đã giải ngân vào ngày 09/05/2023 và ngày kết thúc thời hạn vay trùng vào ngày nghỉ cuối tuần nên B tính trên nguyên tắc có lợi cho bị đơn, cụ thể thời hạn vay được tính từ ngày 09/5/2023 đến ngày 11/03/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 53.297.465 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 930.423.323 đồng bao gồm tiền gốc 845.807.590 đồng; tiền lãi trong hạn là 7.183.571 đồng; tiền lãi quá hạn là 75.311.625 đồng; lãi chậm trả lãi là 2.120.537 đồng.

20. Hợp đồng tín dụng số 01.237/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 755.276.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 10/05/2023 đến ngày 10/03/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/05/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Do ngày kết thúc thời hạn vay trùng vào ngày nghỉ cuối tuần nên B tính trên nguyên tắc có lợi cho bị đơn, cụ thể ngày kết thúc thời hạn vay là 11/3/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 47.385.809 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 830.834.744 đồng bao gồm tiền gốc 755.276.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 6.414.673 đồng; tiền lãi quá hạn là 67.250.518 đồng; lãi chậm trả lãi là 1.893.553 đồng.

21. Hợp đồng tín dụng số 01.235/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 680.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 09/05/2023 đến ngày 09/03/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/05/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Do ngày kết thúc thời hạn vay trùng vào ngày nghỉ cuối tuần nên B tính trên nguyên tắc có lợi cho bị đơn, cụ thể ngày kết thúc thời hạn vay là ngày làm việc liền kề của ngày nghỉ là tức thời hạn vay đến ngày 11/3/2024. Ngày

quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 42.849.315 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 748.028.178 đồng bao gồm tiền gốc 680.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 5.775.343 đồng; tiền lãi quá hạn là 60.548.003 đồng; lãi chậm trả lãi là 1.704.833 đồng.

22. Hợp đồng tín dụng số 01.238/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 4.000.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 10/05/2023 đến ngày 10/03/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/05/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Do ngày kết thúc thời hạn vay trùng vào ngày nghỉ cuối tuần nên B tính trên nguyên tắc có lợi cho bị đơn, cụ thể ngày kết thúc thời hạn vay là ngày làm việc liền kề của ngày nghỉ là tức thời hạn vay đến ngày 11/3/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 250.958.904 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 4.400.165.402 đồng bao gồm tiền gốc 4.000.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 33.972.603 đồng; tiền lãi quá hạn là 356.164.346 đồng; lãi chậm trả lãi là 10.028.453 đồng.

23. Hợp đồng tín dụng số 01.239/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 1.783.161.710 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 11/05/2023 đến ngày 11/03/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/05/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 111.386.540 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.961.551.668 đồng bao gồm tiền gốc 1.783.161.710 đồng; tiền lãi trong hạn là 15.144.661 đồng; tiền lãi quá hạn là 158.774.723 đồng; lãi chậm trả lãi là 4.470.575 đồng.

24. Hợp đồng tín dụng số 01.06/2023/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 619.162.500 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 10/07/2023 đến ngày 10/03/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/07/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Do ngày kết thúc thời hạn vay trùng vào ngày nghỉ cuối tuần nên B tính trên nguyên tắc có lợi cho bị đơn, cụ thể ngày kết thúc thời hạn vay là ngày làm việc liền kề của ngày nghỉ là tức thời hạn vay đến ngày 11/3/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 27.073.516 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 678.007.292 đồng bao gồm tiền gốc 619.162.500 đồng; tiền lãi trong hạn là 4.995.709 đồng; tiền lãi quá hạn là 52.374.373 đồng; lãi chậm trả lãi là 1.474.710 đồng.

25. Hợp đồng tín dụng số 01.240/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 1.300.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 12/05/2023 đến ngày 12/03/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/05/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 80.849.315 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.429.874.280 đồng bao gồm tiền gốc 1.300.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 11.041.096 đồng; tiền lãi quá hạn là 115.575.308 đồng; lãi chậm trả lãi là 3.257.876 đồng.

26. Hợp đồng tín dụng số 01.241/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 2.666.466.330 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 12/05/2023 đến ngày 12/03/2024, lãi trả

hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/05/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 165.832.290 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 2.932.855.115 đồng bao gồm tiền gốc 2.666.466.330 đồng; tiền lãi trong hạn là 22.646.700 đồng; tiền lãi quá hạn là 237.059.749 đồng; lãi chậm trả lãi là 6.682.336 đồng.

27. Hợp đồng tín dụng số 01.07/2023/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 346.731.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 13/07/2023 đến ngày 13/03/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/07/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 14.890.434 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 379.593.179 đồng bao gồm tiền gốc 346.731.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 2.797.597 đồng; tiền lãi quá hạn là 29.239.483 đồng; lãi chậm trả lãi là 825.099 đồng.

28. Hợp đồng tín dụng số 01.76/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 597.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 14/11/2022 đến ngày 14/7/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/11/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 14/3/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 36.637.808 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 682.555.172 đồng bao gồm tiền gốc 597.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 29.753.279 đồng; tiền lãi quá hạn là 52.748.662 đồng; lãi chậm trả lãi là 3.053.231 đồng.

29. Hợp đồng tín dụng số 01.08/2023/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 1.275.210.120 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 14/07/2023 đến ngày 14/03/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/07/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 54.432.257 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.395.903.240 đồng bao gồm tiền gốc 1.257.210.120 đồng; tiền lãi trong hạn là 10.289.024 đồng; tiền lãi quá hạn là 107.370.945 đồng; lãi chậm trả lãi là 3.033.151 đồng.

30. Hợp đồng tín dụng số 01.82/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 626.725.028 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 17/11/2022 đến ngày 17/7/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 15/3/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 37.946.913 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 722.313.886 đồng bao gồm tiền gốc 626.725.028 đồng; tiền lãi trong hạn là 36.573.268 đồng; tiền lãi quá hạn là 55.460.918 đồng; lãi chậm trả lãi là 3.554.671 đồng.

31. Hợp đồng tín dụng số 01.81/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 1.200.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 17/11/2022 đến ngày 17/7/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 15/3/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024.

Hiện đã trả được 72.657.534 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.383.025.469 đồng bao gồm tiền gốc 1.200.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 70.027.398 đồng; tiền lãi quá hạn là 106.191.859 đồng; lãi chậm trả lãi là 6.806.212 đồng.

32. Hợp đồng tín dụng số 01.79/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 450.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 16/11/2022 đến ngày 16/7/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/11/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 15/3/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 53.630.137 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 490.705.130 đồng bao gồm tiền gốc 450.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 0 đồng; tiền lãi quá hạn là 39.821.947 đồng; lãi chậm trả lãi là 883.183 đồng.

33. Hợp đồng tín dụng số 01.77/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 170.219.475 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 15/11/2022 đến ngày 15/7/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/11/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 15/3/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 10.399.710 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 196.181.568 đồng bao gồm tiền gốc 170.219.475 đồng; tiền lãi trong hạn là 9.933.356 đồng; tiền lãi quá hạn là 15.063.305 đồng; lãi chậm trả lãi là 965.432 đồng.

34. Hợp đồng tín dụng số 01.242/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 1.450.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 15/05/2023 đến ngày 15/03/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/05/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 88.986.301 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.594.258.681 đồng bao gồm tiền gốc 1.450.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 12.315.069 đồng; tiền lãi quá hạn là 128.315.044 đồng; lãi chậm trả lãi là 3.628.568 đồng.

35. Hợp đồng tín dụng số 01.78/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 750.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 15/11/2022 đến ngày 16/7/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/11/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Do B giải ngân vào ngày 16/11/2022 và đến ngày kết thúc thời hạn vay bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 15/3/2024 nên thời hạn vay được xác định từ ngày 16/11/2022 đến ngày 15/3/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 45.616.438 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 864.390.906 đồng bao gồm tiền gốc 750.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 43.767.124 đồng; tiền lãi quá hạn là 66.369.912 đồng; lãi chậm trả lãi là 4.253.870 đồng.

36. Hợp đồng tín dụng số 01.80/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 1.136.380.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 17/11/2022 đến ngày 17/7/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn

nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 15/3/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 68.805.474 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.309.701.884 đồng bao gồm tiền gốc 1.136.380.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 66.314.778 đồng; tiền lãi quá hạn là 100.561.758 đồng; lãi chậm trả lãi là 6.445.348 đồng.

37. Hợp đồng tín dụng số 01.243/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 605.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 16/05/2023 đến ngày 16/03/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/05/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Do ngày kết thúc thời hạn vay trùng vào ngày nghỉ cuối tuần nên B tính trên nguyên tắc có lợi cho bị đơn, cụ thể ngày kết thúc thời hạn vay là ngày làm việc liền kề của ngày nghỉ là tức thời hạn vay đến ngày 18/3/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 36.963.014 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 664.939.537 đồng bao gồm tiền gốc 605.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 5.138.356 đồng; tiền lãi quá hạn là 53.289.777 đồng; lãi chậm trả lãi là 1.511.404 đồng.

38. Hợp đồng tín dụng số 01.83/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 800.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 18/11/2022 đến ngày 18/7/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 18/3/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 48.219.178 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 921.684.709 đồng bao gồm tiền gốc 800.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 46.684.932 đồng; tiền lãi quá hạn là 70.465.746 đồng; lãi chậm trả lãi là 4.534.031 đồng.

39. Hợp đồng tín dụng số 01.84/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 2.161.507.564 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 18/11/2022 đến ngày 18/7/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 18/3/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 130.462.648 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 2.490.285.649 đồng bao gồm tiền gốc 2.161.507.564 đồng; tiền lãi trong hạn là 126.137.290 đồng; tiền lãi quá hạn là 190.390.337 đồng; lãi chậm trả lãi là 12.250.458 đồng.

40. Hợp đồng tín dụng số 01.09/2023/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 247.665.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 18/07/2023 đến ngày 18/03/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/08/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 10.313.721 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 270.975.118 đồng bao gồm tiền gốc 247.665.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 1.998.283 đồng; tiền lãi quá hạn là 20.724.066 đồng; lãi chậm trả lãi là 587.769 đồng.

41. Hợp đồng tín dụng số 01.89/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 141.760.800 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 23/11/2022 đến ngày 23/7/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần

khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 22/3/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 8.350.294 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 163.244.755 đồng bao gồm tiền gốc 141.760.800 đồng; tiền lãi trong hạn là 8.272.616 đồng; tiền lãi quá hạn là 12.408.875 đồng; lãi chậm trả lãi là 802.463 đồng.

42. Hợp đồng tín dụng số 01.91/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 800.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 24/11/2022 đến ngày 24/7/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 22/3/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 46.904.111 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 921.240.948 đồng bao gồm tiền gốc 800.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 46.684.931 đồng; tiền lãi quá hạn là 70.027.390 đồng; lãi chậm trả lãi là 4.528.627 đồng.

43. Hợp đồng tín dụng số 01.87/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 1.800.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 22/11/2022 đến ngày 22/7/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 22/3/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 106.520.548 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 2.072.792.114 đồng bao gồm tiền gốc 1.800.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 105.041.096 đồng; tiền lãi quá hạn là 157.561.585 đồng; lãi chậm trả lãi là 10.189.433 đồng.

44. Hợp đồng tín dụng số 01.88/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 620.155.359 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 23/11/2022 đến ngày 23/7/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 22/3/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 36.529.699 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 714.140.701 đồng bao gồm tiền gốc 620.155.359 đồng; tiền lãi trong hạn là 36.189.888 đồng; tiền lãi quá hạn là 54.284.868 đồng; lãi chậm trả lãi là 3.510.585 đồng.

45. Hợp đồng tín dụng số 01.85/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 178.605.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 22/11/2022 đến ngày 22/7/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 22/3/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 10.569.501 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 205.672.761 đồng bao gồm tiền gốc 178.605.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 10.422.703 đồng; tiền lãi quá hạn là 15.633.979 đồng; lãi chậm trả lãi là 1.011.079 đồng.

46. Hợp đồng tín dụng số 01.86/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 1.000.136.700 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 22/11/2022 đến ngày 22/7/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một

lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 22/3/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 59.186.172 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.151.708.604 đồng bao gồm tiền gốc 1.000.136.700 đồng; tiền lãi trong hạn là 58.364.142 đồng; tiền lãi quá hạn là 87.546.208 đồng; lãi chậm trả lãi là 5.661.555 đồng.

47. Hợp đồng tín dụng số 01.92/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 359.418.080 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 24/11/2022 đến ngày 24/7/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 22/3/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 21.072.731 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 413.888.264 đồng bao gồm tiền gốc 359.418.080 đồng; tiền lãi trong hạn là 20.974.261 đồng; tiền lãi quá hạn là 31.461.330 đồng; lãi chậm trả lãi là 2.034.593 đồng.

48. Hợp đồng tín dụng số 01.90/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 1.200.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 24/11/2022 đến ngày 24/7/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 22/3/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 70.356.164 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.381.861.541 đồng bao gồm tiền gốc 1.200.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 70.027.398 đồng; tiền lãi quá hạn là 105.041.171 đồng; lãi chậm trả lãi là 6.792.972 đồng.

49. Hợp đồng tín dụng số 01.95/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 1.060.400.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 25/11/2022 đến ngày 25/7/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 25/3/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 61.880.877 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.220.662.888 đồng bao gồm tiền gốc 1.060.400.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 61.880.876 đồng; tiền lãi quá hạn là 92.385.488 đồng; lãi chậm trả lãi là 5.996.524 đồng.

50. Hợp đồng tín dụng số 01.94/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 183.833.541 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 25/11/2022 đến ngày 25/7/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 25/3/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 10.727.820 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 211.617.172 đồng bao gồm tiền gốc 183.833.541 đồng; tiền lãi trong hạn là 10.727.821 đồng; tiền lãi quá hạn là 16.016.237 đồng; lãi chậm trả lãi là 1.039.573 đồng.

51. Hợp đồng tín dụng số 01.10/2023/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 247.665.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 25/07/2023 đến ngày 25/03/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/08/2023, gốc phải trả một

lần khi kết thúc thời hạn vay. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 11.860.779 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 268.621.245 đồng bao gồm tiền gốc 247.665.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 0 đồng; tiền lãi quá hạn là 20.498.456 đồng; lãi chậm trả lãi là 457.789 đồng.

52. Hợp đồng tín dụng số 01.93/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 200.133.892 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 25/11/2022 đến ngày 25/7/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 25/3/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 11.679.046 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 230.381.069 đồng bao gồm tiền gốc 200.133.892 đồng; tiền lãi trong hạn là 11.679.047 đồng; tiền lãi quá hạn là 17.436.390 đồng; lãi chậm trả lãi là 1.131.740 đồng.

53. Hợp đồng tín dụng số 01.11/2023/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 187.335.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 25/07/2023 đến ngày 25/03/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/08/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 8.971.550 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 203.186.408 đồng bao gồm tiền gốc 187.335.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 0 đồng; tiền lãi quá hạn là 15.505.143 đồng; lãi chậm trả lãi là 346.265 đồng.

54. Hợp đồng tín dụng số 01.244/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 605.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 26/05/2023 đến ngày 26/03/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/06/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 35.305.479 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 664.268.892 đồng bao gồm tiền gốc 605.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 5.138.357 đồng; tiền lãi quá hạn là 52.626.761 đồng; lãi chậm trả lãi là 1.503.775 đồng.

55. Hợp đồng tín dụng số 01.12/2023/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 401.023.080 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 27/07/2023 đến ngày 27/03/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/08/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 18.996.408 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 434.851.483 đồng bao gồm tiền gốc 401.023.080 đồng; tiền lãi trong hạn là 0 đồng; tiền lãi quá hạn là 33.087.162 đồng; lãi chậm trả lãi là 741.241 đồng.

56. Hợp đồng tín dụng số 01.13/2023/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 990.660.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 28/07/2023 đến ngày 28/03/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/08/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 46.669.585 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.074.098.379 đồng bao gồm tiền gốc 990.660.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 0 đồng; tiền lãi quá hạn là 81.607.396 đồng; lãi chậm trả lãi là 1.830.983 đồng.

57. Hợp đồng tín dụng số 01.98/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 1.740.247.092 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 29/11/2022 đến ngày 29/7/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 29/3/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 99.647.025 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 2.002.303.942 đồng bao gồm tiền gốc 1.740.247.092 đồng; tiền lãi trong hạn là 101.554.146 đồng; tiền lãi quá hạn là 150.662.486 đồng; lãi chậm trả lãi là 9.840.218 đồng.

58. Hợp đồng tín dụng số 01.97/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 600.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 29/11/2022 đến ngày 29/7/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 29/3/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 34.356.164 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 690.351.645 đồng bao gồm tiền gốc 600.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 35.013.699 đồng; tiền lãi quá hạn là 51.945.242 đồng; lãi chậm trả lãi là 3.392.704 đồng.

59. Hợp đồng tín dụng số 01.245/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 605.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 30/05/2023 đến ngày 30/03/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/06/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 34.642.466 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 664.019.987 đồng bao gồm tiền gốc 605.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 5.138.356 đồng; tiền lãi quá hạn là 52.378.130 đồng; lãi chậm trả lãi là 1.503.501 đồng.

60. Hợp đồng tín dụng số 01.100/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 600.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 30/11/2022 đến ngày 30/7/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 29/3/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 34.191.781 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 690.351.644 đồng bao gồm tiền gốc 600.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 35.013.698 đồng; tiền lãi quá hạn là 51.945.242 đồng; lãi chậm trả lãi là 3.392.704 đồng.

61. Hợp đồng tín dụng số 01.246/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 526.090.070 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 31/05/2023 đến ngày 31/03/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/06/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 29.979.927 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 577.412.033 đồng bao gồm tiền gốc 526.090.070 đồng; tiền lãi trong hạn là 4.468.163 đồng; tiền lãi quá hạn là 45.546.406 đồng; lãi chậm trả lãi là 1.307.394 đồng.

62. Hợp đồng tín dụng số 01.96/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 1.200.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn

hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 30/11/2022 đến ngày 30/7/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 29/3/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 68.383.562 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.380.703.286 đồng bao gồm tiền gốc 1.200.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 70.027.397 đồng; tiền lãi quá hạn là 103.890.483 đồng; lãi chậm trả lãi là 6.785.406 đồng.

63. Hợp đồng tín dụng số 01.96/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 351.529.482 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 29/11/2022 đến ngày 29/7/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 29/3/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 20.128.674 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 404.464.951 đồng bao gồm tiền gốc 351.529.482 đồng; tiền lãi trong hạn là 20.513.913 đồng; tiền lãi quá hạn là 30.433.831 đồng; lãi chậm trả lãi là 1.987.725 đồng.

64. Hợp đồng tín dụng số 01.101/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 1.202.922.800 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 30/11/2022 đến ngày 30/7/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 29/3/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 68.550.121 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.384.066.141 đồng bao gồm tiền gốc 1.202.922.800 đồng; tiền lãi trong hạn là 70.197.961 đồng; tiền lãi quá hạn là 104.143.462 đồng; lãi chậm trả lãi là 6.801.918 đồng.

65. Hợp đồng tín dụng số 01.14/2023/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 123.832.500 đồng với lãi suất vay trong hạn là 8,9%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 23/08/2023 đến ngày 23/04/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/09/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 3.744.152 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 134.203.166 đồng bao gồm tiền gốc 123.832.500 đồng; tiền lãi trong hạn là 936.038 đồng; tiền lãi quá hạn là 9.164.060 đồng; lãi chậm trả lãi là 270.568 đồng.

66. Hợp đồng tín dụng số 01.104/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 600.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 02/12/2022 đến ngày 02/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 03/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 33.863.014 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 684.883.013 đồng bao gồm tiền gốc 600.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 35.013.698 đồng; tiền lãi quá hạn là 46.520.570 đồng; lãi chậm trả lãi là 3.348.745 đồng.

67. Hợp đồng tín dụng số 01.104/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 5.226.000.351 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời

hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 02/12/2022 đến ngày 02/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 03/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 294.946.869 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 5.965.331.168 đồng bao gồm tiền gốc 5.226.000.351 đồng; tiền lãi trong hạn là 304.969.336 đồng; tiền lãi quá hạn là 405.193.954 đồng; lãi chậm trả lãi là 29.167.527 đồng.

68. Hợp đồng tín dụng số 01.102/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 600.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 01/12/2022 đến ngày 01/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 03/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 34.027.397 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 684.883.014 đồng bao gồm tiền gốc 600.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 35.013.699 đồng; tiền lãi quá hạn là 46.520.570 đồng; lãi chậm trả lãi là 3.348.745 đồng.

69. Hợp đồng tín dụng số 01.103/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 1.500.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 02/12/2022 đến ngày 02/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 03/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 84.657.534 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.712.207.417 đồng bao gồm tiền gốc 1.500.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 87.534.247 đồng; tiền lãi quá hạn là 116.301.325 đồng; lãi chậm trả lãi là 8.371.845 đồng.

70. Hợp đồng tín dụng số 01.106/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 600.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 05/12/2022 đến ngày 05/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 05/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 33.369.863 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 684.717.952 đồng bao gồm tiền gốc 600.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 35.013.699 đồng; tiền lãi quá hạn là 46.356.186 đồng; lãi chậm trả lãi là 3.348.068 đồng.

71. Hợp đồng tín dụng số 01.105/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 188.748.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 05/12/2022 đến ngày 05/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 05/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 10.497.492 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 215.398.593 đồng bao gồm tiền gốc 188.748.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 11.014.609 đồng; tiền lãi quá hạn là 14.582.733 đồng; lãi chậm trả lãi là 1.053.251 đồng.

72. Hợp đồng tín dụng số 01.107/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 1.800.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 05/12/2022 đến ngày 05/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 05/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 100.109.589 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 2.054.153.736 đồng bao gồm tiền gốc 1.800.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 105.041.096 đồng; tiền lãi quá hạn là 139.068.460 đồng; lãi chậm trả lãi là 10.044.180 đồng.

73. Hợp đồng tín dụng số 01.109/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 3.002.970.400 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 06/12/2022 đến ngày 06/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 06/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 166.191.787 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 3.426.566.034 đồng bao gồm tiền gốc 3.002.970.400 đồng; tiền lãi trong hạn là 175.241.834 đồng; tiền lãi quá hạn là 231.598.968 đồng; lãi chậm trả lãi là 16.754.832 đồng.

74. Hợp đồng tín dụng số 01.108/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 2.000.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 06/12/2022 đến ngày 06/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 06/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 110.504.932 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 2.282.117.800 đồng bao gồm tiền gốc 2.000.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 116.712.328 đồng; tiền lãi quá hạn là 154.246.613 đồng; lãi chậm trả lãi là 11.158.858 đồng.

75. Hợp đồng tín dụng số 01.110/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 2.000.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 06/12/2022 đến ngày 06/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 06/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 110.684.932 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 2.282.117.800 đồng bao gồm tiền gốc 2.000.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 116.712.328 đồng; tiền lãi quá hạn là 154.246.613 đồng; lãi chậm trả lãi là 11.158.858 đồng.

76. Hợp đồng tín dụng số 01.111/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 5.013.896.501 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 07/12/2022 đến ngày 07/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó

khẩn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 07/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 276.107.725 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 5.720.460.540 đồng bao gồm tiền gốc 5.013.896.501 đồng; tiền lãi trong hạn là 292.591.769 đồng; tiền lãi quá hạn là 386.001.334 đồng; lãi chậm trả lãi là 27.970.936 đồng.

77. Hợp đồng tín dụng số 01.117/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 1.200.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 09/12/2022 đến ngày 09/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 07/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 65.424.658 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.369.105.430 đồng bao gồm tiền gốc 1.200.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 70.027.397 đồng; tiền lãi quá hạn là 92.383.603 đồng; lãi chậm trả lãi là 6.694.430 đồng.

78. Hợp đồng tín dụng số 01.118/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 3.502.479.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 09/12/2022 đến ngày 09/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 07/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 190.957.074 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 3.996.052.399 đồng bao gồm tiền gốc 3.502.479.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 204.391.241 đồng; tiền lãi quá hạn là 269.642.938 đồng; lãi chậm trả lãi là 19.539.221 đồng.

79. Hợp đồng tín dụng số 01.112/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 5.002.446.600 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 08/12/2022 đến ngày 08/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 07/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 274.106.663 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 5.707.397.162 đồng bao gồm tiền gốc 5.002.446.600 đồng; tiền lãi trong hạn là 291.923.596 đồng; tiền lãi quá hạn là 385.119.894 đồng; lãi chậm trả lãi là 27.907.072 đồng.

80. Hợp đồng tín dụng số 01.115/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 4.950.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 09/12/2022 đến ngày 09/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 07/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 269.876.712 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 5.647.559.691 đồng bao gồm tiền gốc 4.950.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 288.863.014 đồng; tiền lãi quá hạn là 381.082.174 đồng; lãi chậm trả lãi là 27.614.503 đồng.

81. Hợp đồng tín dụng số 01.113/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 5.001.616.944 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 08/12/2022 đến ngày 08/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 07/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 274.061.202 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 5.706.450.537 đồng bao gồm tiền gốc 5.001.616.944 đồng; tiền lãi trong hạn là 291.875.181 đồng; tiền lãi quá hạn là 385.055.989 đồng; lãi chậm trả lãi là 27.902.423 đồng.

82. Hợp đồng tín dụng số 01.116/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 600.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 09/12/2022 đến ngày 09/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 07/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 32.712.329 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 684.552.711 đồng bao gồm tiền gốc 600.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 35.013.698 đồng; tiền lãi quá hạn là 46.191.802 đồng; lãi chậm trả lãi là 3.347.211 đồng.

83. Hợp đồng tín dụng số 01.114/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 4.950.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 08/12/2022 đến ngày 08/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 07/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 271.232.877 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 5.647.559.690 đồng bao gồm tiền gốc 4.950.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 288.863.013 đồng; tiền lãi quá hạn là 381.082.174 đồng; lãi chậm trả lãi là 27.614.503 đồng.

84. Hợp đồng tín dụng số 01.120/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 629.089.350 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 12/12/2022 đến ngày 12/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 12/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 33.781.236 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 717.307.433 đồng bao gồm tiền gốc 629.089.350 đồng; tiền lãi trong hạn là 36.711.242 đồng; tiền lãi quá hạn là 48.000.413 đồng; lãi chậm trả lãi là 3.506.428 đồng.

85. Hợp đồng tín dụng số 01.122/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 2.100.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 12/12/2022 đến ngày 12/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 12/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 112.767.123 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ

2.394.485.789 đồng bao gồm tiền gốc 2.100.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 122.547.945 đồng; tiền lãi quá hạn là 160.232.856 đồng; lãi chậm trả lãi là 11.704.988 đồng.

86. Hợp đồng tín dụng số 01.121/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 1.164.621.248 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 12/12/2022 đến ngày 12/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 12/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 62.538.566 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.327.937.621 đồng bao gồm tiền gốc 1.164.621.248 đồng; tiền lãi trong hạn là 67.962.829 đồng; tiền lãi quá hạn là 88.862.182 đồng; lãi chậm trả lãi là 6.491.362 đồng.

87. Hợp đồng tín dụng số 01.119/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 2.000.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 12/12/2022 đến ngày 12/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 12/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 107.397.260 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 2.280.462.704 đồng bao gồm tiền gốc 2.000.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 116.712.329 đồng; tiền lãi quá hạn là 152.602.775 đồng; lãi chậm trả lãi là 11.147.599 đồng.

88. Hợp đồng tín dụng số 01.124/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 4.457.217.407 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 13/12/2022 đến ngày 13/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 13/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 238.125.314 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 5.081.643.063 đồng bao gồm tiền gốc 4.457.217.407 đồng; tiền lãi trong hạn là 260.106.111 đồng; tiền lãi quá hạn là 339.481.241 đồng; lãi chậm trả lãi là 24.838.304 đồng.

89. Hợp đồng tín dụng số 01.123/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 2.100.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 13/12/2022 đến ngày 13/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 13/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 112.191.781 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 2.394.195.596 đồng bao gồm tiền gốc 2.100.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 122.547.945 đồng; tiền lãi quá hạn là 159.945.185 đồng; lãi chậm trả lãi là 11.702.466 đồng.

90. Hợp đồng tín dụng số 01.127/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 310.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn

hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 15/12/2022 đến ngày 15/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 14/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 16.391.781 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 353.386.020 đồng bao gồm tiền gốc 310.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 18.090.411 đồng; tiền lãi quá hạn là 23.568.515 đồng; lãi chậm trả lãi là 1.727.094 đồng.

91. Hợp đồng tín dụng số 01.126/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 600.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 15/12/2022 đến ngày 15/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 14/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 31.726.027 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 683.972.951 đồng bao gồm tiền gốc 600.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 35.013.699 đồng; tiền lãi quá hạn là 45.616.458 đồng; lãi chậm trả lãi là 3.342.794 đồng.

92. Hợp đồng tín dụng số 01.128/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 600.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 16/12/2022 đến ngày 16/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 14/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 31.561.644 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 683.972.950 đồng bao gồm tiền gốc 600.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 35.013.698 đồng; tiền lãi quá hạn là 45.616.458 đồng; lãi chậm trả lãi là 3.342.794 đồng.

93. Hợp đồng tín dụng số 01.129/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 506.587.500 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 16/12/2022 đến ngày 16/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 14/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 26.647.890 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 577.486.937 đồng bao gồm tiền gốc 506.587.500 đồng; tiền lãi trong hạn là 29.562.504 đồng; tiền lãi quá hạn là 38.514.569 đồng; lãi chậm trả lãi là 2.822.364 đồng.

94. Hợp đồng tín dụng số 01.125/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 138.499.200 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 14/12/2022 đến ngày 14/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 14/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 7.361.327 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 157.882.772 đồng bao gồm tiền gốc 138.499.200 đồng; tiền lãi trong hạn là 8.082.282 đồng; tiền lãi quá hạn là 10.529.690 đồng; lãi chậm trả lãi là 771.599 đồng.

95. Hợp đồng tín dụng số 01.130/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 3.200.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời

hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 19/12/2022 đến ngày 19/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 19/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 165.698.630 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 3.645.639.838 đồng bao gồm tiền gốc 3.200.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 186.739.726 đồng; tiền lãi quá hạn là 241.095.877 đồng; lãi chậm trả lãi là 17.804.235 đồng.

96. Hợp đồng tín dụng số 01.131/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 3.804.088.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 20/12/2022 đến ngày 20/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 20/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 195.936.587 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 4.333.326.965 đồng bao gồm tiền gốc 3.804.088.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 221.991.985 đồng; tiền lãi quá hạn là 286.088.266 đồng; lãi chậm trả lãi là 21.158.714 đồng.

97. Hợp đồng tín dụng số 01.135/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 177.438.778 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 22/12/2022 đến ngày 22/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 21/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 9.042.086 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 202.100.125 đồng bao gồm tiền gốc 177.438.778 đồng; tiền lãi trong hạn là 10.354.646 đồng; tiền lãi quá hạn là 13.320.087 đồng; lãi chậm trả lãi là 986.613 đồng.

98. Hợp đồng tín dụng số 01.134/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 177.052.438 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 22/12/2022 đến ngày 22/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 21/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 9.022.398 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 201.660.076 đồng bao gồm tiền gốc 177.052.438 đồng; tiền lãi trong hạn là 10.332.101 đồng; tiền lãi quá hạn là 13.291.079 đồng; lãi chậm trả lãi là 984.457 đồng.

99. Hợp đồng tín dụng số 01.133/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 1.088.625.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 22/12/2022 đến ngày 22/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 21/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 55.475.137 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.239.927.542 đồng bao gồm tiền gốc 1.088.625.000 đồng; tiền lãi trong hạn là

63.527.979 đồng; tiền lãi quá hạn là 81.721.462 đồng; lãi chậm trả lãi là 6.053.101 đồng.

100. Hợp đồng tín dụng số 01.132/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 1.478.605.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 21/12/2022 đến ngày 21/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 21/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 75.753.188 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.684.108.873 đồng bao gồm tiền gốc 1.478.605.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 86.285.716 đồng; tiền lãi quá hạn là 110.996.679 đồng; lãi chậm trả lãi là 8.221.478 đồng.

101. Hợp đồng tín dụng số 01.137/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 967.915.065 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 23/12/2022 đến ngày 23/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 21/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 49.058.709 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.102.440.657 đồng bao gồm tiền gốc 967.915.065 đồng; tiền lãi trong hạn là 56.483.810 đồng; tiền lãi quá hạn là 72.659.917 đồng; lãi chậm trả lãi là 5.381.865 đồng.

102. Hợp đồng tín dụng số 01.136/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 2.527.743.404 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 22/12/2022 đến ngày 22/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 21/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 128.811.034 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 2.879.061.691 đồng bao gồm tiền gốc 2.527.743.404 đồng; tiền lãi trong hạn là 147.509.409 đồng; tiền lãi quá hạn là 189.753.871 đồng; lãi chậm trả lãi là 14.055.007 đồng.

103. Hợp đồng tín dụng số 01.138/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 364.784.472 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 23/12/2022 đến ngày 23/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 21/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 18.489.076 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 415.483.970 đồng bao gồm tiền gốc 364.784.472 đồng; tiền lãi trong hạn là 21.287.423 đồng; tiền lãi quá hạn là 27.383.782 đồng; lãi chậm trả lãi là 2.028.293 đồng.

104. Hợp đồng tín dụng số 01.139/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 562.875.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 23/12/2022 đến ngày 23/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn

nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 21/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 28.529.281 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 641.106.109 đồng bao gồm tiền gốc 562.875.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 32.847.226 đồng; tiền lãi quá hạn là 42.254.165 đồng; lãi chậm trả lãi là 3.129.718 đồng.

105. Hợp đồng tín dụng số 01.140/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 5.105.207.129 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 26/12/2022 đến ngày 26/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 26/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 254.561.013 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 5.811.216.695 đồng bao gồm tiền gốc 5.105.207.129 đồng; tiền lãi trong hạn là 297.920.306 đồng; tiền lãi quá hạn là 379.743.456 đồng; lãi chậm trả lãi là 28.345.804 đồng.

106. Hợp đồng tín dụng số 01.143/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 4.774.815.520 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 27/12/2022 đến ngày 27/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 27/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 236.778.523 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 5.434.480.152 đồng bao gồm tiền gốc 4.774.815.520 đồng; tiền lãi trong hạn là 278.639.919 đồng; tiền lãi quá hạn là 354.513.676 đồng; lãi chậm trả lãi là 26.511.036 đồng.

107. Hợp đồng tín dụng số 01.141/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 208.326.600 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 27/12/2022 đến ngày 27/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 27/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 10.330.716 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 237.107.986 đồng bao gồm tiền gốc 208.326.600 đồng; tiền lãi trong hạn là 12.157.142 đồng; tiền lãi quá hạn là 15.467.545 đồng; lãi chậm trả lãi là 1.156.700 đồng.

108. Hợp đồng tín dụng số 01.142/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 353.689.805 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 27/12/2022 đến ngày 27/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 27/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 17.539.138 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 402.553.854 đồng bao gồm tiền gốc 353.689.805 đồng; tiền lãi trong hạn là 20.639.981 đồng; tiền lãi quá hạn là 26.260.282 đồng; lãi chậm trả lãi là 1.963.786 đồng.

109. Hợp đồng tín dụng số 01.144/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 4.200.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 27/12/2022 đến ngày 27/10/2023, lãi trả

hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 27/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 208.273.973 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 4.780.250.993 đồng bao gồm tiền gốc 4.200.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 245.095.890 đồng; tiền lãi quá hạn là 311.835.582 đồng; lãi chậm trả lãi là 23.319.521 đồng.

110. Hợp đồng tín dụng số 01.145/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 303.789.480 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 28/12/2022 đến ngày 28/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 28/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 14.981.399 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 345.717.869 đồng bao gồm tiền gốc 303.789.480 đồng; tiền lãi trong hạn là 17.727.989 đồng; tiền lãi quá hạn là 22.513.714 đồng; lãi chậm trả lãi là 1.686.686 đồng.

111. Hợp đồng tín dụng số 01.148/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 302.464.267 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 28/12/2022 đến ngày 28/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 28/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 14.916.046 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 344.209.704 đồng bao gồm tiền gốc 302.464.267 đồng; tiền lãi trong hạn là 17.650.655 đồng; tiền lãi quá hạn là 22.415.468 đồng; lãi chậm trả lãi là 1.679.314 đồng.

112. Hợp đồng tín dụng số 01.149/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 6.284.489.800 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 29/12/2022 đến ngày 29/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 28/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 308.198.267 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 7.151.861.655 đồng bao gồm tiền gốc 6.284.489.800 đồng; tiền lãi trong hạn là 366.738.720 đồng; tiền lãi quá hạn là 465.740.955 đồng; lãi chậm trả lãi là 34.892.180 đồng.

113. Hợp đồng tín dụng số 01.150/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 541.500.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 30/12/2022 đến ngày 30/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 28/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 26.407.397 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 616.236.635 đồng bao gồm tiền gốc 541.500.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 31.599.863 đồng; tiền lãi quá hạn là 40.130.336 đồng; lãi chậm trả lãi là 3.006.435 đồng.

114. Hợp đồng tín dụng số 01.151/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 3.726.537.332 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 30/12/2022 đến ngày 30/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 28/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 181.732.506 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 4.240.866.096 đồng bao gồm tiền gốc 3.726.537.332 đồng; tiền lãi trong hạn là 217.466.425 đồng; tiền lãi quá hạn là 276.172.182 đồng; lãi chậm trả lãi là 20.690.157 đồng.

115. Hợp đồng tín dụng số 01.146/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 619.162.500 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 28/12/2022 đến ngày 28/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 28/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 30.534.041 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 704.617.999 đồng bao gồm tiền gốc 619.162.500 đồng; tiền lãi trong hạn là 36.131.949 đồng; tiền lãi quá hạn là 45.885.895 đồng; lãi chậm trả lãi là 3.437.656 đồng.

116. Hợp đồng tín dụng số 01.147/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 6.420.794.072 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 28/12/2022 đến ngày 28/10/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 28/6/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 316.641.899 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 7.306.978.402 đồng bao gồm tiền gốc 6.420.794.072 đồng; tiền lãi trong hạn là 374.692.915 đồng; tiền lãi quá hạn là 475.842.422 đồng; lãi chậm trả lãi là 35.648.993 đồng.

117. Hợp đồng tín dụng số 01.153/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 336.862.260 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 06/01/2023 đến ngày 06/11/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 05/7/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 15.781.766 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 383.031.252 đồng bao gồm tiền gốc 336.862.260 đồng; tiền lãi trong hạn là 19.657.990 đồng; tiền lãi quá hạn là 24.641.738 đồng; lãi chậm trả lãi là 1.869.265 đồng.

118. Hợp đồng tín dụng số 01.152/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 121.747.080 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 05/01/2023 đến ngày 05/11/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 05/7/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 5.737.123 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 138.433.253 đồng bao

gồm tiền gốc 121.747.080 đồng; tiền lãi trong hạn là 7.104.692 đồng; tiền lãi quá hạn là 8.905.904 đồng; lãi chậm trả lãi là 675.577 đồng.

119. Hợp đồng tín dụng số 01.154/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 342.133.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 06/01/2023 đến ngày 06/11/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 05/7/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 16.028.697 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 389.024.368 đồng bao gồm tiền gốc 342.133.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 19.965.569 đồng; tiền lãi quá hạn là 25.027.294 đồng; lãi chậm trả lãi là 1.898.504 đồng.

120. Hợp đồng tín dụng số 01.155/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 178.605.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 10/01/2023 đến ngày 10/11/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 10/7/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 8.171.790 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 202.960.749 đồng bao gồm tiền gốc 178.605.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 10.422.703 đồng; tiền lãi quá hạn là 12.942.719 đồng; lãi chậm trả lãi là 990.327 đồng.

121. Hợp đồng tín dụng số 01.156/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 541.500.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 13/01/2023 đến ngày 13/11/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 12/7/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 24.330.411 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 615.192.742 đồng bao gồm tiền gốc 541.500.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 31.599.863 đồng; tiền lãi quá hạn là 39.091.844 đồng; lãi chậm trả lãi là 3.001.035 đồng.

122. Hợp đồng tín dụng số 01.157/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 1.083.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 13/01/2023 đến ngày 13/11/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 12/7/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 48.660.822 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.230.385.506 đồng bao gồm tiền gốc 1.083.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 63.199.726 đồng; tiền lãi quá hạn là 78.183.689 đồng; lãi chậm trả lãi là 6.002.091 đồng.

123. Hợp đồng tín dụng số 01.158/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 364.547.196 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 16/01/2023 đến ngày 16/11/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 16/7/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024.

Hiện đã trả được 16.080.027 tiền lãi trong hạn; còn nợ 413.956.652 đồng bao gồm tiền gốc 364.547.196 đồng; tiền lãi trong hạn là 21.273.576 đồng; tiền lãi quá hạn là 26.117.561 đồng; lãi chậm trả lãi là 2.018.319 đồng.

124. Hợp đồng tín dụng số 01.159/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 255.162.960 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 16/01/2023 đến ngày 16/11/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 16/7/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 11.255.133 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 289.746.879 đồng bao gồm tiền gốc 255.162.960 đồng; tiền lãi trong hạn là 14.890.332 đồng; tiền lãi quá hạn là 18.280.863 đồng; lãi chậm trả lãi là 1.412.724 đồng.

125. Hợp đồng tín dụng số 01.161/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 251.176.980 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 17/01/2023 đến ngày 17/11/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/02/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 17/7/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 8.808.398 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 287.527.903 đồng bao gồm tiền gốc 251.176.980 đồng; tiền lãi trong hạn là 16.859.825 đồng; tiền lãi quá hạn là 17.960.885 đồng; lãi chậm trả lãi là 1.530.213 đồng.

126. Hợp đồng tín dụng số 01.160/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 131.127.017 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 17/01/2023 đến ngày 17/11/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/02/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 17/7/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 5.748.034 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 148.881.349 đồng bao gồm tiền gốc 131.127.017 đồng; tiền lãi trong hạn là 7.652.069 đồng; tiền lãi quá hạn là 9.376.502 đồng; lãi chậm trả lãi là 725.761 đồng.

127. Hợp đồng tín dụng số 01.162/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 482.959.583 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 18/01/2023 đến ngày 18/11/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/02/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 19/7/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 16.804.347 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 552.720.740 đồng bao gồm tiền gốc 482.959.583 đồng; tiền lãi trong hạn là 32.417.835 đồng; tiền lãi quá hạn là 34.402.609 đồng; lãi chậm trả lãi là 2.940.713 đồng.

128. Hợp đồng tín dụng số 01.15/2023/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 290.800.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 7,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 22/11/2023 đến ngày 22/07/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 1.971.863 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 308.612.582 đồng bao gồm tiền gốc

290.800.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 1.852.356 đồng; tiền lãi quá hạn là 15.446.275 đồng; lãi chậm trả lãi là 513.951 đồng.

129. Hợp đồng tín dụng số 01.16/2023/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 263.951.720 đồng với lãi suất vay trong hạn là 7,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 23/11/2023 đến ngày 23/07/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 1.735.573 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 280.092.206 đồng bao gồm tiền gốc 263.951.720 đồng; tiền lãi trong hạn là 1.681.336 đồng; tiền lãi quá hạn là 13.993.041 đồng; lãi chậm trả lãi là 466.109 đồng.

130. Hợp đồng tín dụng số 01.17/2023/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 130.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 7,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 27/11/2023 đến ngày 27/7/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Do ngày kết thúc thời hạn vay trùng vào ngày nghỉ cuối tuần nên B tính trên nguyên tắc có lợi cho bị đơn, cụ thể ngày kết thúc thời hạn vay là ngày làm việc liền kề của ngày nghỉ là tức thời hạn vay đến ngày 29/7/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 747.945 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 137.868.832 đồng bao gồm tiền gốc 130.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 828.082 đồng; tiền lãi quá hạn là 6.811.637 đồng; lãi chậm trả lãi là 229.113 đồng.

131. Hợp đồng tín dụng số 01.19/2023/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 219.785.244 đồng với lãi suất vay trong hạn là 7,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 28/11/2023 đến ngày 28/7/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Do ngày kết thúc thời hạn vay trùng vào ngày nghỉ cuối tuần nên B tính trên nguyên tắc có lợi cho bị đơn, cụ thể ngày kết thúc thời hạn vay là ngày làm việc liền kề của ngày nghỉ là tức thời hạn vay đến ngày 29/7/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 1.219.356 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 233.088.748 đồng bao gồm tiền gốc 219.785.244 đồng; tiền lãi trong hạn là 1.400.002 đồng; tiền lãi quá hạn là 11.516.159 đồng; lãi chậm trả lãi là 387.343 đồng.

132. Hợp đồng tín dụng số 01.18/2023/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 350.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 7,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 28/11/2023 đến ngày 28/07/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Do ngày kết thúc thời hạn vay trùng vào ngày nghỉ cuối tuần nên B tính trên nguyên tắc có lợi cho bị đơn, cụ thể ngày kết thúc thời hạn vay là ngày làm việc liền kề của ngày nghỉ là tức thời hạn vay đến ngày 29/7/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 1.941.781 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 371.185.337 đồng bao gồm tiền gốc 350.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 2.229.452 đồng; tiền lãi quá hạn là 18.339.045 đồng; lãi chậm trả lãi là 616.840 đồng.

133. Hợp đồng tín dụng số 01.163/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 274.500.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 30/01/2023 đến ngày 30/11/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/02/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn

nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 30/7/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 8.648.630 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 313.733.030 đồng bao gồm tiền gốc 274.500.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 18.425.343 đồng; tiền lãi quá hạn là 19.139.805 đồng; lãi chậm trả lãi là 1.667.882 đồng.

134. Hợp đồng tín dụng số 01.164/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 158.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 31/01/2023 đến ngày 30/11/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/02/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 30/7/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 6.320.000 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 179.109.006 đồng bao gồm tiền gốc 158.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 9.220.274 đồng; tiền lãi quá hạn là 11.016.719 đồng; lãi chậm trả lãi là 872.013 đồng.

135. Hợp đồng tín dụng số 01.20/2023/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 454.168.132 đồng với lãi suất vay trong hạn là 7,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 04/12/2023 đến ngày 04/08/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/02/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Do ngày kết thúc thời hạn vay trùng vào ngày nghỉ cuối tuần nên B tính trên nguyên tắc có lợi cho bị đơn, cụ thể ngày kết thúc thời hạn vay là ngày làm việc liền kề của ngày nghỉ là tức thời hạn vay đến ngày 05/8/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 1.959.767 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 481.330.840 đồng bao gồm tiền gốc 454.168.132 đồng; tiền lãi trong hạn là 2.892.988 đồng; tiền lãi quá hạn là 23.470.534 đồng; lãi chậm trả lãi là 799.186 đồng.

136. Hợp đồng tín dụng số 01.21/2023/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 7,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 07/12/2023 đến ngày 07/08/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 369.863 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 105.960.100 đồng bao gồm tiền gốc 100.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 636.986 đồng; tiền lãi quá hạn là 5.147.261 đồng; lãi chậm trả lãi là 175.852 đồng.

137. Hợp đồng tín dụng số 01.165/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 2.033.500.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 08/02/2023 đến ngày 08/12/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/02/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 08/8/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 76.883.014 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 2.302.658.507 đồng bao gồm tiền gốc 2.033.500.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 118.667.260 đồng; tiền lãi quá hạn là 139.280.834 đồng; lãi chậm trả lãi là 11.210.413 đồng.

138. Hợp đồng tín dụng số 01.22/2023/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 150.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 7,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 08/12/2023 đến ngày 08/08/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2023, gốc phải trả một

lần khi kết thúc thời hạn vay. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 523.973 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 158.924.575 đồng bao gồm tiền gốc 150.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 955.479 đồng; tiền lãi quá hạn là 7.705.481 đồng; lãi chậm trả lãi là 263.615 đồng.

139. Hợp đồng tín dụng số 01.168/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 1.000.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 09/02/2023 đến ngày 09/12/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/02/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 09/8/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 28.767.123 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.141.548.481 đồng bao gồm tiền gốc 1.000.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 67.123.288 đồng; tiền lãi quá hạn là 68.356.155 đồng; lãi chậm trả lãi là 6.069.038 đồng.

140. Hợp đồng tín dụng số 01.169/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 1.000.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 10/02/2023 đến ngày 10/12/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/02/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 09/8/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 37.260.274 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.132.224.126 đồng bao gồm tiền gốc 1.000.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 58.356.164 đồng; tiền lãi quá hạn là 68.356.155 đồng; lãi chậm trả lãi là 5.511.807 đồng.

141. Hợp đồng tín dụng số 01.170/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 1.000.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 10/02/2023 đến ngày 10/12/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/02/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 09/8/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 37.260.274 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.132.224.126 đồng bao gồm tiền gốc 1.000.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 58.356.164 đồng; tiền lãi quá hạn là 68.356.155 đồng; lãi chậm trả lãi là 5.511.807 đồng.

142. Hợp đồng tín dụng số 01.166/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 421.578.963 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 09/02/2023 đến ngày 09/12/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/02/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 09/8/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 12.127.614 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 481.252.822 đồng bao gồm tiền gốc 421.578.963 đồng; tiền lãi trong hạn là 28.297.766 đồng; tiền lãi quá hạn là 28.817.536 đồng; lãi chậm trả lãi là 2.558.557 đồng.

143. Hợp đồng tín dụng số 01.167/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 1.050.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời

hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 09/02/2023 đến ngày 09/12/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/02/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 09/8/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 30.205.479 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.198.625.940 đồng bao gồm tiền gốc 1.050.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 70.479.453 đồng; tiền lãi quá hạn là 71.773.985 đồng; lãi chậm trả lãi là 6.372.503 đồng.

144. Hợp đồng tín dụng số 01.171/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 950.688.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 10/02/2023 đến ngày 10/12/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/02/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 09/8/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 27.088.096 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.085.256.487 đồng bao gồm tiền gốc 950.688.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 63.813.305 đồng; tiền lãi quá hạn là 64.985.378 đồng; lãi chậm trả lãi là 5.769.805 đồng.

145. Hợp đồng tín dụng số 01.172/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 2.166.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 10/02/2023 đến ngày 10/12/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/02/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 09/8/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 61.716.164 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 2.472.594.091 đồng bao gồm tiền gốc 2.166.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 145.389.041 đồng; tiền lãi quá hạn là 148.059.442 đồng; lãi chậm trả lãi là 13.145.608 đồng.

146. Hợp đồng tín dụng số 01.24/2023/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 200.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 7,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 12/12/2023 đến ngày 12/08/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 534.247 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 211.816.578 đồng bao gồm tiền gốc 200.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 1.273.972 đồng; tiền lãi quá hạn là 10.191.782 đồng; lãi chậm trả lãi là 350.823 đồng.

147. Hợp đồng tín dụng số 01.25/2023/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 177.138.848 đồng với lãi suất vay trong hạn là 7,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 12/12/2023 đến ngày 12/08/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 473.179 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 187.604.712 đồng bao gồm tiền gốc 177.138.848 đồng; tiền lãi trong hạn là 1.128.350 đồng; tiền lãi quá hạn là 9.026.796 đồng; lãi chậm trả lãi là 310.718 đồng.

148. Hợp đồng tín dụng số 01.23/2023/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 250.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 7,5%/năm cố định trong thời hạn

hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 11/12/2023 đến ngày 11/08/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Do ngày kết thúc thời hạn vay trùng vào ngày nghỉ cuối tuần nên B tính trên nguyên tắc có lợi cho bị đơn, cụ thể ngày kết thúc thời hạn vay là ngày làm việc liền kề của ngày nghỉ là tức thời hạn vay đến ngày 12/8/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 719.178 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 264.770.738 đồng bao gồm tiền gốc 250.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 1.592.466 đồng; tiền lãi quá hạn là 12.739.728 đồng; lãi chậm trả lãi là 438.544 đồng.

149. Hợp đồng tín dụng số 01.26/2023/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 72.647.584 đồng với lãi suất vay trong hạn là 7,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 13/12/2023 đến ngày 13/08/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 179.131 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 76.932.283 đồng bao gồm tiền gốc 72.647.584 đồng; tiền lãi trong hạn là 462.755 đồng; tiền lãi quá hạn là 3.694.583 đồng; lãi chậm trả lãi là 127.361 đồng.

150. Hợp đồng tín dụng số 01.173/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 2.000.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 13/02/2023 đến ngày 13/12/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/02/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 13/8/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 55.342.466 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 2.281.991.222 đồng bao gồm tiền gốc 2.000.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 134.246.575 đồng; tiền lãi quá hạn là 135.616.449 đồng; lãi chậm trả lãi là 12.128.197 đồng.

151. Hợp đồng tín dụng số 01.174/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 2.000.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 13/02/2023 đến ngày 13/12/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/02/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 13/8/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 72.876.712 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 2.263.342.481 đồng bao gồm tiền gốc 2.000.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 116.712.329 đồng; tiền lãi quá hạn là 135.616.449 đồng; lãi chậm trả lãi là 11.013.702 đồng.

152. Hợp đồng tín dụng số 01.174/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 2.000.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 13/02/2023 đến ngày 13/12/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/02/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 13/8/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 72.876.712 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 2.263.342.481 đồng bao gồm tiền gốc 2.000.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là

116.712.329 đồng; tiền lãi quá hạn là 135.616.449 đồng; lãi chậm trả lãi là 11.013.702 đồng.

153. Hợp đồng tín dụng số 01.176/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 1.394.841.690 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 14/02/2023 đến ngày 14/12/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/02/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 14/8/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 38.214.841 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.591.315.170 đồng bao gồm tiền gốc 1.394.841.690 đồng; tiền lãi trong hạn là 93.626.360 đồng; tiền lãi quá hạn là 94.390.651 đồng; lãi chậm trả lãi là 8.456.469 đồng.

154. Hợp đồng tín dụng số 01.177/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 3.425.868.370 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 14/02/2023 đến ngày 14/12/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/02/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 14/8/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 93.859.407 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 3.908.426.581 đồng bao gồm tiền gốc 3.425.868.370 đồng; tiền lãi trong hạn là 229.955.549 đồng; tiền lãi quá hạn là 231.832.735 đồng; lãi chậm trả lãi là 20.769.927 đồng.

155. Hợp đồng tín dụng số 01.175/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 1.001.617.500 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 14/02/2023 đến ngày 14/12/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/02/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 14/8/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 27.441.575 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.142.702.547 đồng bao gồm tiền gốc 1.001.617.500 đồng; tiền lãi trong hạn là 67.231.860 đồng; tiền lãi quá hạn là 67.780.694 đồng; lãi chậm trả lãi là 6.072.493 đồng.

156. Hợp đồng tín dụng số 01.179/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 2.000.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 15/02/2023 đến ngày 15/12/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/02/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 15/8/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 71.780.822 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 2.262.788.679 đồng bao gồm tiền gốc 2.000.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 116.712.329 đồng; tiền lãi quá hạn là 135.068.503 đồng; lãi chậm trả lãi là 11.007.847 đồng.

157. Hợp đồng tín dụng số 01.178/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 541.500.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 15/02/2023 đến ngày 15/12/2023, lãi trả hàng

tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/02/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 15/8/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 19.434.658 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 612.650.006 đồng bao gồm tiền gốc 541.500.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 31.599.863 đồng; tiền lãi quá hạn là 36.569.792 đồng; lãi chậm trả lãi là 2.980.351 đồng.

158. Hợp đồng tín dụng số 01.180/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 2.883.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 15/02/2023 đến ngày 15/12/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/02/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 15/8/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 78.196.438 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 3.288.692.053 đồng bao gồm tiền gốc 2.883.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 93.516.439 đồng; tiền lãi quá hạn là 194.701.246 đồng; lãi chậm trả lãi là 17.474.369 đồng.

159. Hợp đồng tín dụng số 01.181/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 1.462.050.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 16/02/2023 đến ngày 16/12/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/02/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 16/8/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 39.255.041 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.667.585.224 đồng bao gồm tiền gốc 1.462.050.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 98.137.603 đồng; tiền lãi quá hạn là 98.538.169 đồng; lãi chậm trả lãi là 8.859.452 đồng.

160. Hợp đồng tín dụng số 01.183/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 900.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 17/02/2023 đến ngày 17/12/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/02/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 16/8/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 31.808.219 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.018.130.186 đồng bao gồm tiền gốc 900.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 52.520.548 đồng; tiền lãi quá hạn là 60.657.542 đồng; lãi chậm trả lãi là 4.952.095 đồng.

161. Hợp đồng tín dụng số 01.182/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 1.500.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 17/02/2023 đến ngày 17/12/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/02/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 16/8/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 39.863.014 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.710.870.233 đồng bao gồm tiền gốc 1.500.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 100.684.931 đồng; tiền lãi quá hạn là 101.095.879 đồng; lãi chậm trả lãi là 9.089.423 đồng.

162. Hợp đồng tín dụng số 01.27/2023/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 7,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 18/12/2023 đến ngày 18/08/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2024, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Do ngày kết thúc thời hạn vay trùng vào ngày nghỉ cuối tuần nên B tính trên nguyên tắc có lợi cho bị đơn, cụ thể ngày kết thúc thời hạn vay là ngày làm việc liền kề của ngày nghỉ là tức thời hạn vay đến ngày 19/8/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Từ khi vay đến nay chưa trả bất kì khoản tiền gốc và lãi phát sinh nào; còn nợ 105.988.539 đồng bao gồm tiền gốc 100.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 780.822 đồng; tiền lãi quá hạn là 5.023.973 đồng; lãi chậm trả lãi là 183.744 đồng.

163. Hợp đồng tín dụng số 01.28/2023/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 167.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 7,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 19/12/2023 đến ngày 19/08/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2024, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Từ khi vay đến nay chưa trả bất kì khoản tiền gốc và lãi phát sinh nào; còn nợ 176.964.351 đồng bao gồm tiền gốc 167.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 1.269.658 đồng; tiền lãi quá hạn là 8.390.044 đồng; lãi chậm trả lãi là 304.649 đồng.

164. Hợp đồng tín dụng số 01.30/2023/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 110.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 7,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 20/12/2023 đến ngày 20/08/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2024, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Từ khi vay đến nay chưa trả bất kì khoản tiền gốc và lãi phát sinh nào; còn nợ 116.527.806 đồng bao gồm tiền gốc 110.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 813.699 đồng; tiền lãi quá hạn là 5.515.061 đồng; lãi chậm trả lãi là 199.047 đồng.

165. Hợp đồng tín dụng số 01.29/2023/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 300.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 7,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 20/12/2023 đến ngày 20/08/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2024, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Từ khi vay đến nay chưa trả bất kì khoản tiền gốc và lãi phát sinh nào; còn nợ 317.803.179 đồng bao gồm tiền gốc 300.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 2.219.178 đồng; tiền lãi quá hạn là 15.041.098 đồng; lãi chậm trả lãi là 542.903 đồng.

166. Hợp đồng tín dụng số 01.184/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 2.541.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 20/02/2023 đến ngày 20/12/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/03/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 20/8/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 87.716.712 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 2.873.110.607 đồng bao gồm tiền gốc 2.541.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 148.283.014 đồng; tiền lãi quá hạn là 169.864.106 đồng; lãi chậm trả lãi là 13.963.487 đồng.

167. Hợp đồng tín dụng số 01.29/2023/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 2.923.910.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 7,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 21/12/2023 đến ngày 21/08/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2024, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Từ khi vay đến nay chưa trả bất kì khoản tiền gốc và lãi phát sinh nào; còn nợ 3.096.482.768 đồng bao gồm tiền gốc 2.923.910.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 21.028.120 đồng; tiền lãi quá hạn là 146.295.640 đồng; lãi chậm trả lãi là 5.249.008 đồng.

168. Hợp đồng tín dụng số 01.186/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 1.300.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 22/02/2023 đến ngày 22/12/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/03/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 22/8/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 32.767.123 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.481.671.349 đồng bao gồm tiền gốc 1.300.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 87.260.274 đồng; tiền lãi quá hạn là 86.547.942 đồng; lãi chậm trả lãi là 7.863.133 đồng.

169. Hợp đồng tín dụng số 01.185/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 1.710.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 22/02/2023 đến ngày 22/12/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/03/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 22/8/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 43.101.370 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.948.967.701 đồng bao gồm tiền gốc 1.710.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 114.780.822 đồng; tiền lãi quá hạn là 113.843.844 đồng; lãi chậm trả lãi là 10.343.036 đồng.

170. Hợp đồng tín dụng số 01.187/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 2.000.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 23/02/2023 đến ngày 23/12/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/03/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 23/8/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 49.863.014 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 2.279.216.213 đồng bao gồm tiền gốc 2.000.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 134.246.575 đồng; tiền lãi quá hạn là 132.876.719 đồng; lãi chậm trả lãi là 12.092.918 đồng.

171. Hợp đồng tín dụng số 01.190/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 310.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 24/02/2023 đến ngày 24/12/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/03/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 23/8/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 7.643.836 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 353.278.508 đồng bao

gồm tiền gốc 310.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 20.808.219 đồng; tiền lãi quá hạn là 20.595.895 đồng; lãi chậm trả lãi là 1.874.394 đồng.

172. Hợp đồng tín dụng số 01.188/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 178.605.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 23/02/2023 đến ngày 23/12/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/03/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 23/8/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 6.018.744 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 201.874.359 đồng bao gồm tiền gốc 178.605.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 10.422.703 đồng; tiền lãi quá hạn là 11.866.215 đồng; lãi chậm trả lãi là 980.442 đồng.

173. Hợp đồng tín dụng số 01.189/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 1.400.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 24/02/2023 đến ngày 24/12/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/03/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 23/8/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 46.794.521 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.582.397.226 đồng bao gồm tiền gốc 1.400.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 81.698.630 đồng; tiền lãi quá hạn là 93.013.702 đồng; lãi chậm trả lãi là 7.684.894 đồng.

174. Hợp đồng tín dụng số 01.30/2023/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 330.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 7,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 27/12/2023 đến ngày 27/08/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2024, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Từ khi vay đến nay chưa trả bất kì khoản tiền gốc và lãi phát sinh nào; còn nợ 348.838.185 đồng bao gồm tiền gốc 330.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 1.966.438 đồng; tiền lãi quá hạn là 16.307.875 đồng; lãi chậm trả lãi là 563.871 đồng.

175. Hợp đồng tín dụng số 01.192/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 125.724.335 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 27/02/2023 đến ngày 27/12/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/03/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 27/8/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 4.098.958 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 142.034.460 đồng bao gồm tiền gốc 125.724.335 đồng; tiền lãi trong hạn là 7.336.790 đồng; tiền lãi quá hạn là 8.284.035 đồng; lãi chậm trả lãi là 689.300 đồng.

176. Hợp đồng tín dụng số 01.191/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 1.140.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 27/02/2023 đến ngày 27/12/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/03/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 27/8/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 27.172.603 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ

1.298.520.901 đồng bao gồm tiền gốc 1.140.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 76.520.548 đồng; tiền lãi quá hạn là 75.115.063 đồng; lãi chậm trả lãi là 6.885.290 đồng.

177. Hợp đồng tín dụng số 01.193/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 570.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 28/02/2023 đến ngày 28/12/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/03/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 28/8/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 18.427.397 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 643.867.412 đồng bao gồm tiền gốc 570.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 33.263.014 đồng; tiền lãi quá hạn là 37.479.450 đồng; lãi chậm trả lãi là 3.124.948 đồng.

178. Hợp đồng tín dụng số 01.196/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 71.297.519 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 02/03/2023 đến ngày 02/01/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/03/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 03/9/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 1.558.779 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 80.641.566 đồng bao gồm tiền gốc 71.297.519 đồng; tiền lãi trong hạn là 4.546.437 đồng; tiền lãi quá hạn là 4.388.701 đồng; lãi chậm trả lãi là 408.908 đồng.

179. Hợp đồng tín dụng số 01.195/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 399.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 02/03/2023 đến ngày 02/01/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/03/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 03/9/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 8.723.342 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 451.291.766 đồng bao gồm tiền gốc 399.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 25.443.083 đồng; tiền lãi quá hạn là 24.560.365 đồng; lãi chậm trả lãi là 2.288.318 đồng.

180. Hợp đồng tín dụng số 01.194/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 1.140.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 01/03/2023 đến ngày 01/01/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/03/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 03/9/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 34.715.342 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.279.306.725 đồng bao gồm tiền gốc 1.140.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 63.199.726 đồng; tiền lãi quá hạn là 70.172.465 đồng; lãi chậm trả lãi là 5.934.534 đồng.

181. Hợp đồng tín dụng số 01.197/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 1.261.968.620 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 03/03/2023 đến ngày 03/01/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/03/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó

khẩn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 03/9/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 27.261.980 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.427.358.515 đồng bao gồm tiền gốc 1.261.968.620 đồng; tiền lãi trong hạn là 80.472.108 đồng; tiền lãi quá hạn là 77.680.220 đồng; lãi chậm trả lãi là 7.237.566 đồng.

182. Hợp đồng tín dụng số 01.199/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 1.400.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 13/03/2023 đến ngày 13/01/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/03/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 13/9/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 38.260.274 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.569.427.074 đồng bao gồm tiền gốc 1.400.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 77.613.699 đồng; tiền lãi quá hạn là 84.536.986 đồng; lãi chậm trả lãi là 7.276.389 đồng.

183. Hợp đồng tín dụng số 01.200/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 340.714.770 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 14/03/2023 đến ngày 14/01/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/03/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 13/9/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 6.384.901 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 384.965.916 đồng bao gồm tiền gốc 340.714.770 đồng; tiền lãi trong hạn là 21.726.401 đồng; tiền lãi quá hạn là 20.573.571 đồng; lãi chậm trả lãi là 1.951.173 đồng.

184. Hợp đồng tín dụng số 01.201/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 562.875.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 14/03/2023 đến ngày 14/01/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/03/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 13/9/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 15.236.178 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 630.993.768 đồng bao gồm tiền gốc 562.875.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 31.204.865 đồng; tiền lãi quá hạn là 33.988.397 đồng; lãi chậm trả lãi là 2.925.506 đồng.

185. Hợp đồng tín dụng số 01.202/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 562.875.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 16/03/2023 đến ngày 16/01/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/03/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 16/9/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 10.255.120 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 635.979.834 đồng bao gồm tiền gốc 562.875.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 35.892.919 đồng; tiền lãi quá hạn là 33.988.397 đồng; lãi chậm trả lãi là 3.223.517 đồng.

186. Hợp đồng tín dụng số 01.203/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 562.875.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 20/03/2023 đến ngày 20/01/2024, lãi trả hàng

tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/04/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 20/9/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 9.669.113 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 635.979.834 đồng bao gồm tiền gốc 562.875.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 35.892.920 đồng; tiền lãi quá hạn là 33.988.397 đồng; lãi chậm trả lãi là 3.223.517 đồng.

187. Hợp đồng tín dụng số 01.205/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 3.000.157.161 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 22/03/2023 đến ngày 22/01/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/04/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 20/9/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 49.975.221 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 3.389.810.029 đồng bao gồm tiền gốc 3.000.157.161 đồng; tiền lãi trong hạn là 191.311.391 đồng; tiền lãi quá hạn là 181.160.175 đồng; lãi chậm trả lãi là 17.181.302 đồng.

188. Hợp đồng tín dụng số 01.204/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 171.797.197 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 21/03/2023 đến ngày 21/01/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/04/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 20/9/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 4.337.291 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 192.587.926 đồng bao gồm tiền gốc 171.797.197 đồng; tiền lãi trong hạn là 9.524.154 đồng; tiền lãi quá hạn là 10.373.727 đồng; lãi chậm trả lãi là 892.848 đồng.

189. Hợp đồng tín dụng số 01.204/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 2.462.875.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 21/03/2023 đến ngày 21/01/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/04/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 20/9/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 62.179.159 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 2.760.930.520 đồng bao gồm tiền gốc 2.462.875.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 136.537.742 đồng; tiền lãi quá hạn là 148.717.164 đồng; lãi chậm trả lãi là 12.800.614 đồng.

190. Hợp đồng tín dụng số 01.206/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 562.875.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 23/03/2023 đến ngày 23/01/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/04/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 23/9/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 9.229.608 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 635.979.834 đồng bao gồm tiền gốc 562.875.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 35.892.919 đồng; tiền lãi quá hạn là 33.988.397 đồng; lãi chậm trả lãi là 3.223.517 đồng.

191. Hợp đồng tín dụng số 01.207/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 2.873.209.480 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 24/03/2023 đến ngày 24/01/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/04/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 24/9/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 46.364.942 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 3.246.374.715 đồng bao gồm tiền gốc 2.873.209.480 đồng; tiền lãi trong hạn là 183.216.303 đồng; tiền lãi quá hạn là 173.494.622 đồng; lãi chậm trả lãi là 16.454.310 đồng.

192. Hợp đồng tín dụng số 01.208/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 573.540.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 28/03/2023 đến ngày 28/01/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/04/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 27/9/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 8.658.097 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 648.029.916 đồng bao gồm tiền gốc 573.540.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 36.572.996 đồng; tiền lãi quá hạn là 34.632.388 đồng; lãi chậm trả lãi là 3.284.532 đồng.

193. Hợp đồng tín dụng số 01.209/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 211.324.177 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 30/03/2023 đến ngày 30/01/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/04/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 30/9/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 3.080.122 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 238.770.418 đồng bao gồm tiền gốc 211.324.177 đồng; tiền lãi trong hạn là 13.475.535 đồng; tiền lãi quá hạn là 12.760.506 đồng; lãi chậm trả lãi là 1.210.199 đồng.

194. Hợp đồng tín dụng số 01.210/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 1.592.500.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 30/03/2023 đến ngày 30/09/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/04/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 23.211.233 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.799.329.886 đồng bao gồm tiền gốc 1.592.500.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 101.549.144 đồng; tiền lãi quá hạn là 96.160.822 đồng; lãi chậm trả lãi là 9.119.920 đồng.

195. Hợp đồng tín dụng số 01.211/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 1.185.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 04/04/2023 đến ngày 04/02/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/04/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 04/10/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 15.729.658 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.338.904.755 đồng bao gồm tiền gốc 1.185.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là

75.564.041 đồng; tiền lãi quá hạn là 71.554.521 đồng; lãi chậm trả lãi là 6.786.194 đồng.

196. Hợp đồng tín dụng số 01.212/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 950.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 07/04/2023 đến ngày 07/02/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/04/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 07/10/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 11.868.493 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.073.383.603 đồng bao gồm tiền gốc 950.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 60.578.767 đồng; tiền lãi quá hạn là 57.364.384 đồng; lãi chậm trả lãi là 5.440.452 đồng.

197. Hợp đồng tín dụng số 01.214/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 2.287.088.539 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 11/04/2023 đến ngày 11/02/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/04/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 15/10/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 26.191.863 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 2.584.129.832 đồng bao gồm tiền gốc 2.287.088.539 đồng; tiền lãi trong hạn là 145.841.057 đồng; tiền lãi quá hạn là 138.102.552 đồng; lãi chậm trả lãi là 13.097.684 đồng.

198. Hợp đồng tín dụng số 01.217/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 2.761.682.760 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 12/04/2023 đến ngày 12/02/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/04/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 15/10/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 30.908.148 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 3.120.363.208 đồng bao gồm tiền gốc 2.761.682.760 đồng; tiền lãi trong hạn là 176.104.565 đồng; tiền lãi quá hạn là 166.760.241 đồng; lãi chậm trả lãi là 15.815.642 đồng.

199. Hợp đồng tín dụng số 01.213/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 592.500.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 10/04/2023 đến ngày 10/02/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/04/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 15/10/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 6.939.555 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 669.452.403 đồng bao gồm tiền gốc 592.500.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 37.782.020 đồng; tiền lãi quá hạn là 35.777.260 đồng; lãi chậm trả lãi là 3.393.122 đồng.

200. Hợp đồng tín dụng số 01.216/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 5.446.500.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 11/04/2023 đến ngày 11/02/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/04/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó

khẩn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 15/10/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 62.373.616 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 6.153.877.766 đồng bao gồm tiền gốc 5.446.500.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 347.307.637 đồng; tiền lãi quá hạn là 328.879.068 đồng; lãi chậm trả lãi là 31.191.060 đồng.

201. Hợp đồng tín dụng số 01.218/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 173.815.022 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 13/04/2023 đến ngày 13/02/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/04/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 15/10/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 1.900.060 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 196.389.689 đồng bao gồm tiền gốc 173.815.022 đồng; tiền lãi trong hạn là 11.083.684 đồng; tiền lãi quá hạn là 10.495.570 đồng; lãi chậm trả lãi là 995.413 đồng.

202. Hợp đồng tín dụng số 01.215/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 165.545.640 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 11/04/2023 đến ngày 11/02/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/04/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 15/10/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 1.895.838 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 187.046.252 đồng bao gồm tiền gốc 165.545.640 đồng; tiền lãi trong hạn là 10.556.369 đồng; tiền lãi quá hạn là 9.996.235 đồng; lãi chậm trả lãi là 948.008 đồng.

203. Hợp đồng tín dụng số 01.219/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 960.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 14/04/2023 đến ngày 14/02/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/04/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 15/10/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 10.244.384 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 1.084.682.426 đồng bao gồm tiền gốc 960.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 61.216.438 đồng; tiền lãi quá hạn là 57.968.219 đồng; lãi chậm trả lãi là 5.497.769 đồng.

204. Hợp đồng tín dụng số 01.224/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 410.015.560 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 20/04/2023 đến ngày 20/02/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/05/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 18/10/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 3.735.073 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 463.267.325 đồng bao gồm tiền gốc 410.015.560 đồng; tiền lãi trong hạn là 26.145.513 đồng; tiền lãi quá hạn là 24.758.200 đồng; lãi chậm trả lãi là 2.348.052 đồng.

205. Hợp đồng tín dụng số 01.221/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 156.232.989 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 17/04/2023 đến ngày 17/02/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/04/2023, gốc phải trả một

lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 18/10/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 1.545.208 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 176.524.138 đồng bao gồm tiền gốc 156.232.989 đồng; tiền lãi trong hạn là 9.962.529 đồng; tiền lãi quá hạn là 9.433.904 đồng; lãi chậm trả lãi là 894.716 đồng.

206. Hợp đồng tín dụng số 01.220/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 171.001.029 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 17/04/2023 đến ngày 17/02/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/04/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 18/10/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 1.691.270 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 193.210.208 đồng bao gồm tiền gốc 171.001.029 đồng; tiền lãi trong hạn là 10.904.244 đồng; tiền lãi quá hạn là 10.325.651 đồng; lãi chậm trả lãi là 979.284 đồng.

207. Hợp đồng tín dụng số 01.222/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 450.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 20/04/2023 đến ngày 20/02/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/05/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 18/10/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 4.099.315 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 508.444.922 đồng bao gồm tiền gốc 450.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 28.695.206 đồng; tiền lãi quá hạn là 27.172.603 đồng; lãi chậm trả lãi là 2.577.114 đồng.

208. Hợp đồng tín dụng số 01.223/2022/277779/HĐTD đã giải ngân tổng số tiền 440.000.000 đồng với lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng. Thời hạn vay là 20/04/2023 đến ngày 20/02/2024, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 dương lịch, trả lãi đầu tiên vào ngày 25/05/2023, gốc phải trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Đến ngày kết thúc thời hạn vay, do bị đơn khó khăn nên B đồng ý gia hạn nợ gốc đến ngày 18/10/2024. Ngày quá hạn là ngày 26/01/2024. Hiện đã trả được 4.008.219 đồng tiền lãi trong hạn; còn nợ 497.146.084 đồng bao gồm tiền gốc 440.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 28.057.534 đồng; tiền lãi quá hạn là 26.568.767 đồng; lãi chậm trả lãi là 2.519.782 đồng.

Để bảo đảm cho các khoản vay trên, Công ty D thế chấp cho B các tài sản sau:

+ 01 Quyền sử dụng đất của Công ty TNHH D tại thửa đất số Lô 1.2, địa chỉ: KCN T, huyện D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 179986, số vào sổ: T00547/CN-05 do UBND tỉnh B cấp ngày 20/10/2005 (cập nhật biến động ngày 06/07/2020) theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2020/277779/HĐBĐ ngày 18/08/2020.

+ 01 Quyền sở hữu công trình của Công ty TNHH D tại thửa đất số Lô 1.2, địa chỉ: Lô A, KCN T, huyện D (nay là thành phố D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 747252594800131, hồ sơ gốc số 31/CN-SHCT ngày 30/10/2008 của Ban Q2 cấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2020/277779/HĐBĐ ngày 11/09/2020.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty D đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. B đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty D để yêu cầu hoàn trả nợ vay. Tuy nhiên đến nay Công ty D vẫn tiếp tục không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ và cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho B nên toàn bộ khoản vay đã bị chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 26/01/2024.

Do đó, B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc Công ty TNHH D thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến hết ngày 13/9/2024 là 282.886.753.189 đồng, trong đó nợ gốc là 249.996.517.127 đồng, lãi trong hạn là 13.060.732.088 đồng, lãi nợ quá hạn 18.542.679.741 đồng và lãi chậm trả lãi là 1.286.824.233 đồng. Ngoài ra, kể từ ngày 14/9/2024 Công ty TNHH D vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

- Trong trường hợp Công ty TNHH D không thể thanh toán được số tiền nợ nêu trên thì B có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp gồm:

- + 01 Quyền sử dụng đất của Công ty TNHH D tại thửa đất số Lô 1.2, địa chỉ: KCN T, huyện D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 179986, số vào sổ: T00547/CN-05 do UBND tỉnh B cấp ngày 20/10/2005 (cập nhật biến động ngày 06/07/2020) theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2020/277779/HĐBĐ ngày 18/08/2020.

- + 01 Quyền sở hữu công trình của Công ty TNHH D tại thửa đất số Lô 1.2, địa chỉ: Lô A, KCN T, huyện D (nay là thành phố D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 747252594800131, hồ sơ gốc số 31/CN-SHCT ngày 30/10/2008 của Ban Q2 cấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2020/277779/HĐBĐ ngày 11/09/2020.

- Tuyên bố chấm dứt tất cả các Hợp đồng thuê phát sinh giữa Công ty TNHH D với Công ty Cổ phần H4; Công ty Cổ phần B1; Công ty TNHH S, Công ty TNHH S và Công ty TNHH D4 việc thuê kho tại phần đất đang thế chấp cho Ngân hàng TMCP Đ tại thời điểm xử lý tài sản thế chấp.

- Buộc Công ty Cổ phần H4; Công ty Cổ phần B1; Công ty TNHH MTV H4; Công ty TNHH S và Công ty TNHH D5 giao lại cho Ngân hàng TMCP Đ toàn bộ phần diện tích đất và toàn bộ tài sản khác gắn liền với đất đã thuê của Công ty TNHH D tại thửa đất Lô 1.2, địa chỉ: KCN T, huyện D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 179986, số vào sổ: T00547/CN-05 do UBND tỉnh B cấp ngày 20/10/2005 (cập nhật biến động ngày 06/07/2020) để xử lý khi phát mãi.

Tại phiên tòa, các đương sự đều xác định hiện hợp đồng thuê kho giữa Công ty TNHH D với Công ty Cổ phần H4 và hợp đồng thuê kho giữa Công ty TNHH D với Công ty Cổ phần B1 đã chấm dứt từ ngày 01/6/2024. Do đó, B xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố chấm dứt hợp đồng cho thuê kho giữa Công ty TNHH D với Công ty Cổ phần H4 và hợp đồng cho thuê kho giữa Công ty TNHH D với Công ty Cổ phần B1. Đồng thời, xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty Cổ phần B1 phải giao lại cho Ngân hàng TMCP Đ toàn bộ phần diện tích đất và toàn bộ tài sản khác gắn liền với đất đã thuê của Công ty TNHH D tại thửa đất Lô 1.2, địa chỉ: KCN T, huyện D (nay là thành phố D), tỉnh Bình

Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 179986, số vào sổ: T00547/CN-05 do UBND tỉnh B cấp ngày 20/10/2005 (cập nhật biến động ngày 06/07/2020) để xử lý khi phát mãi.

B xác định tại thời điểm thế chấp Công ty D cam kết không cho cá nhân, tổ chức nào thuê. Việc cho thuê giữa Công ty D với Công ty Cổ phần H4; Công ty Cổ phần B1; Công ty TNHH MTV H4; Công ty TNHH S và Công ty TNHH D6 xảy ra sau thời điểm thế chấp. Khi cho thuê, Công ty D không thực hiện thông báo bằng văn bản cho B biết. Cho nên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đối với hợp đồng thuê tài sản tại thời điểm phát mãi để đảm bảo cho việc phát mãi tài sản thế chấp.

Tại một số hợp đồng tín dụng cụ thể có ghi thời hạn vay từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc. Tuy nhiên, có một số hợp đồng tín dụng cụ thể giải ngân vào cuối ngày nên nguyên đơn bắt đầu tính là ngày hôm sau của ngày giải ngân. Theo đó, thời hạn kết thúc sẽ lùi lại một ngày, trường hợp ngày thời hạn kết thúc rơi vào ngày thứ 7 và chủ nhật thì nguyên đơn tính ngày kết thúc là ngày thứ hai tuần sau. Ngoài ra, còn một số hợp đồng nguyên đơn xác định ghi ngày kết thúc sau ngày kết thúc ghi theo hợp đồng tới mấy tháng bởi do bị đơn khó khăn nên nguyên đơn cho bị đơn gia hạn thêm thời gian trả nợ gốc. Nguyên đơn tính như vậy là trên nguyên tắc có lợi cho bị đơn.

** Bị đơn do bà Phạm Thị Tuyết N và bà Phạm Thị H3 đại diện trình bày:*

Bị đơn không có yêu cầu phản tố với nguyên đơn. Bị đơn xác định có ký các hợp đồng tín dụng và các hợp đồng thế chấp, có nhận số tiền mà ngân hàng đã giải ngân như đại diện nguyên đơn trình bày. Đối với một số hợp đồng tín dụng cụ thể có thay đổi về thời gian vay theo nguyên tắc có lợi cho bị đơn thì bị đơn thống nhất. Hiện bị đơn còn nợ tổng số tiền như nguyên đơn xác định. Bị đơn đồng ý trả tiền gốc còn nợ, còn tiền lãi xin được miễn. Bị đơn xác định hiện trên phần đất có công ty của bị đơn và một số công ty khác đang thuê đất của bị đơn gồm: Công ty TNHH MTV H4; Công ty TNHH S, Công ty TNHH S và Công ty TNHH D7 Ngoài ra, không còn cá nhân, tổ chức nào khác thuê và sinh sống.

Khi bị đơn cho các công ty này thuê kho, bị đơn không thông báo cho ngân hàng về việc cho thuê và cũng không thông báo cho người thuê về việc đất cho thuê hiện đang thế chấp ngân hàng. Đối với yêu cầu phát mãi tài sản của ngân hàng thì bị đơn không đồng ý, bởi đó là tài sản rất quan trọng của bị đơn, cần phải duy trì tài sản để duy trì hoạt động công ty của bị đơn. Bị đơn đang muốn bán tài sản khác để trả khoản nợ của B. Bị đơn đã gửi các công văn xin giảm lãi đến ngân hàng nhưng đến nay ngân hàng cũng không có văn bản phản hồi nên bị đơn cũng không biết phải bán bớt tài sản nào để trả dần.

Đối với yêu cầu về việc chấm dứt hợp đồng cho thuê tài sản và buộc những doanh nghiệp đang thuê bàn giao tài sản thuê thì bị đơn không đồng ý. Bị đơn đề nghị không giải quyết hợp đồng cho thuê tài sản và không đưa các công ty đã thuê đất của bị đơn vào tham gia tố tụng. Trường hợp có giải quyết thì bị đơn cũng không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng cho thuê và sẽ kháng cáo về việc Tòa án giải quyết hợp đồng cho thuê giữa bị đơn với người thuê. Trường hợp Tòa án tuyên chấm dứt hợp đồng cho thuê tại thời điểm xử lý thế chấp, đối với tài sản doanh nghiệp đã đầu tư nếu có thể di dời được thì các doanh nghiệp tự di dời bị đơn không có ý

kiến, nếu không thể di dời được thì tài sản đó thuộc về bị đơn tại thời điểm phát mãi. Đối với các biên bản xem xét thẩm định của Toà án thì bị đơn thống nhất và không có ý kiến gì khác.

Bị đơn xác định ngày 01/6/2021 bị đơn có ký hợp đồng thuê kho với Công ty Cổ phần H4. Quá trình thuê Công ty Cổ phần H4 có tiến hành sửa chữa, đầu tư một số công trình thể hiện tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ. Sau đó, Công ty Cổ phần H4 có ký biên bản bàn giao quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng thuê kho ngày 01/6/2021 cho Công ty TNHH MTV H4 (gọi tắt là Công ty H4) nên Hợp đồng thuê kho ngày 01/6/2021 đã chấm dứt hiệu lực và hiện bị đơn chỉ cho Công ty H4 thuê kho. Còn tài sản đã đầu tư, cả Công ty Cổ phần H4 và Công ty TNHH MTV H4 đều xác định tài sản đã đầu tư vẫn là tài sản của Công ty Cổ phần H4, không có chuyển giao quyền sở hữu tài sản đã đầu tư trong kho thuê cho Công ty TNHH MTV H4 thì bị đơn không có ý kiến. Đó là quyền của các doanh nghiệp này. Đối với những hạng mục có thể hiện tại Phụ lục của hợp đồng cho thuê đã ký giữa bị đơn với Công ty Cổ phần H4 thì bị đơn đồng ý cho Công ty Cổ phần H4 di dời, còn đối với những hạng mục Công ty Cổ phần H4 tự ý làm không thông qua bị đơn như hệ thống chống dột thay tôn sáng thì bị đơn xác định tài sản đó thuộc về bị đơn do bị đơn chưa có văn bản chấp thuận mà Công ty Cổ phần H4 tự ý sửa chữa.

Hiện bị đơn cũng đã chấm dứt hợp đồng thuê kho với Công ty Cổ phần B1. Hiện tại trên phần đất thế chấp chỉ có các hợp đồng thuê kho đang tồn tại sau: Hợp đồng thuê kho số 2024/MSI-ĐTH/HĐTK ngày 01/6/2024 với Công ty TNHH MTV H4; Hợp đồng dịch vụ thuê kho số 2023/ĐTH-NKT/HĐTK ngày 01/9/2023 với Công ty TNHH S; Hợp đồng dịch vụ thuê kho số 2021/ĐTH-PHANNGUYEN/HĐTK ngày 01/10/2021 với Công ty TNHH D8 Hợp đồng thuê nhà xưởng số DOTIHUTEX/2604/2024/HDTNX ngày 26/4/2024 với Công ty TNHH S. Ngoài ra, không còn tồn tại hợp đồng thuê nào khác, còn các hợp đồng thuê trước đó với Công ty Cổ phần H4, Công ty Cổ phần B1 và Công ty TNHH S đã chấm dứt hoặc huỷ bỏ và không còn hiệu lực.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH D9 ông Phan Xuân H1 làm đại diện trình bày:*

Ngày 01/10/2021 Công ty TNHH D10 hợp đồng dịch vụ thuê kho số 2021/ĐTH-PHANNGUYEN/HĐKT với Công ty TNHH D. Theo hợp đồng, phần diện tích kho thuê là 700m², thời hạn thuê là 05 năm kể từ ngày 01/10/2021 đến ngày 31/10/2026 với giá thuê là 56.000.000 đồng/tháng. Khi thuê, công ty không biết việc bị đơn đang thế chấp phần đất cho thuê tại ngân hàng. Theo đó, Công ty TNHH D1 đã đặt cọc số tiền bằng hai tháng tiền thuê kho. Công ty TNHH D1 đã nhận bàn giao kho ngay khi hợp đồng thuê kho có hiệu lực.

Từ khi thuê đến nay Công ty TNHH D11 đầu tư là: Nhà văn phòng 36,8m² có kết cấu vách panel cách nhiệt, nền bê tông xi măng, khung cột nhôm, cửa bằng cách nhiệt khung nhôm, cột nhôm; Nhà tạm mái tôn, nền bê tông xi măng, cột sắt hộp, kèo sắt hộp có diện tích 37,5m²; 01 máy lạnh hiệu Sharp và 01 máy lạnh hiệu LG; 20 bóng đèn và hệ thống dây điện gồm dây điện từ tủ điện Công ty bị đơn qua tủ điện kho Phan Nguyễn 200m, dây điện đi trong nội bộ là 100m; 01 đường cáp dây mạng; 01 bộ phát Wifi; 02 đèn năng lượng mặt trời loại 300W và 03 camera. Trên đất thuê còn các máy móc, thiết bị vận hành của Công ty TNHH D7 Ngoài ra, đại diện Công

ty TNHH D12 không còn đầu tư, xây dựng gì khác trên đất tranh chấp. Còn các tài sản còn lại khác gắn liền trên đất là của công ty D.

Công ty TNHH D13 có yêu cầu độc lập. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp Toà án tuyên phát mãi tài sản thì Công ty TNHH D14 chấm dứt hợp đồng với bị đơn và tự nguyện trả lại phần đất đã thuê và các tài sản gắn liền với phần đất đã thuê và di dời các máy móc, thiết bị của công ty đi ra khỏi đất để trả lại cho công ty B2, còn tài sản đã đầu tư trên đất thì tự nguyện di dời trả lại cho công ty H5 ban đầu tại thời điểm xử lý thể chấp và không có yêu cầu đối với tài sản đã đầu tư. Công ty không có yêu cầu độc lập trong vụ án này, không yêu cầu giải quyết quyền và nghĩa vụ còn lại của hợp đồng thuê, giữa công ty TNHH D các bên tự thỏa thuận với nhau về hợp đồng thuê, không thỏa thuận được sẽ khởi kiện thành vụ án khác theo quy định.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH S do ông Phan Xuân H1 làm đại diện trình bày:*

Ngày 01/9/2023 Công ty TNHH S ký hợp đồng dịch vụ thuê kho số 2023/ĐTH-NKT/HĐKT với Công ty TNHH D. Theo hợp đồng, phần diện tích kho thuê là 700m², thời hạn thuê là 05 năm kể từ ngày 01/9/2023 đến ngày 01/9/2029 với giá thuê là 56.000.000 đồng/tháng. Khi thuê, công ty không biết việc bị đơn đang thể chấp phần đất cho thuê tại ngân hàng. Theo đó, Công ty TNHH S đã đặt cọc số tiền bằng hai tháng tiền thuê kho. Công ty TNHH S đã nhận bàn giao kho ngay khi hợp đồng thuê kho có hiệu lực ngày 01/9/2023.

Từ khi thuê đến nay Công ty TNHH S có đầu tư là: Nhà văn phòng có diện tích 44m² có kết cấu nền bê tông xi măng, khung cột nhôm vách và trần bằng tấm cách nhiệt, cửa bằng tấm cách nhiệt khung nhôm; 16 đèn tròn, 06 đèn dài 02 bóng, dây điện từ tủ điện công ty bị đơn qua tủ điện kho Phan Nguyễn 200m, dây điện đi trong nội bộ là 100m; 01 đường cáp dây mạng; 01 bộ phát Wifi và 03 camera. Trên đất thuê còn các máy móc, vải sợi, thiết bị vận hành của Công ty TNHH S. Ngoài ra, đại diện Công ty TNHH S xác định không còn đầu tư, xây dựng gì khác trên đất tranh chấp. Còn các tài sản khác còn lại gắn liền trên đất là của Công ty D.

Công ty TNHH S không có yêu cầu độc lập. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp Toà án tuyên phát mãi tài sản thì Công ty TNHH S đồng ý chấm dứt hợp đồng với bị đơn và tự nguyện trả lại phần đất đã thuê và các tài sản gắn liền với phần đất đã thuê và di dời các máy móc, thiết bị của công ty đi ra khỏi đất để trả lại cho công ty B2, còn tài sản đã đầu tư trên đất thì tự nguyện di dời trả lại cho công ty H5 ban đầu tại thời điểm xử lý thể chấp và không có yêu cầu đối với tài sản đã đầu tư. Công ty không có yêu cầu độc lập trong vụ án này, không yêu cầu giải quyết quyền và nghĩa vụ còn lại của hợp đồng thuê, giữa Công ty S với Công ty D các bên tự thỏa thuận với nhau về hợp đồng thuê, không thỏa thuận được sẽ khởi kiện thành vụ án khác theo quy định.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH S do ông Đoàn Thanh H2 đại diện trình bày:*

Ngày 01/8/2017 Công ty TNHH S (gọi tắt là Công ty S) có ký hợp đồng thuê nhà xưởng số DOTIHUTEX/01817/HDTNX-KCH với Công ty TNHH D. Theo hợp đồng thì phần diện tích kho thuê ở vị trí 1 là 2.758m² có thời hạn thuê là từ ngày

24/5/2014 đến ngày 24/5/2024 và vị trí 2 là 797m² có thời hạn thuê là 01/8/2017 đến ngày 01/8/2024. Tiền thuê không cố định mà tăng dần theo thời gian. Tiền thuê vị trí 1 ban đầu là 79.030.000 đồng và vị trí 2 là 47.820.000 đồng. Tiền đặt cọc ở vị trí 1 là: 474.180.000 đồng, ở vị trí 2 là 286.920.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng, Công ty S đã thực hiện việc đặt cọc theo thỏa thuận.

Đến ngày 17/3/2022 các bên ký Phụ lục hợp đồng thuê kho số 032022/DOTIHUTEX-KCH. Theo đó, Công ty S trả lại vị trí 2 chỉ thuê vị trí 1. Ngoài ra, giữa hai bên còn ký Hợp đồng cho thuê nhà xưởng số 01-DOTIHUTEX/HDTNX-KCH/2023 ngày 10/10/2023 với nội dung thuê phần kho có diện tích trong mái hiên là 602m², diện tích ngoài mái hiên là 465,7m², số tiền đặt cọc là 186.372.300 đồng. Sau đó, Công ty S đã tiến hành đặt cọc. Tuy nhiên, việc thuê kho này chưa bàn giao và không thực hiện trên thực tế nên hai bên đã ký biên bản huỷ hợp đồng theo Biên bản huỷ hợp đồng thuê nhà xưởng ngày 21/6/2024.

Đối với hợp đồng thuê nhà xưởng số DOTIHUTEX/01817/HDTNX-KCH ở vị trí 1 hết thời hạn thuê vào ngày 24/5/2024. Do đó, ngày 26/4/2024 hai bên ký hợp đồng thuê nhà xưởng số DOTIHUTEX/2604/2024/HDTNX thể hiện phần diện tích thuê là 3.395,42m², thời hạn thuê là 25/5/2024 đến ngày 24/5/2026. Giá thuê là 206.148.800 đồng/tháng, tiền đặt cọc là duy trì bởi Hợp đồng ký của 02 hợp đồng thuê ngày 01/8/2017 và hợp đồng thuê ngày 10/10/2023.

Từ khi thuê đến nay Công ty S có đầu tư là: Nhà tạm có kết cấu nền bê tông xi măng, cột sắt tròn + hộp, kèo sắt hộp, mái bạt + tôn có diện tích 330m²; Nhà tạm có kết cấu nền bê tông xi măng cột sắt hộp + kèo sắt hộp + kèo sắt hộp, mái tôn có diện tích 88,4m²; Mái che bạt di động cột sắt hộp + kèo sắt hộp có diện tích 15,8m²; Nhà văn phòng có diện tích 38,4m², có kết cấu nền bê tông xi măng, khung cột kèo sắt, cửa kính khung sắt, có nhiều tấm cemboard; Nhà vệ sinh có kết cấu nền gạch men, khung nhôm, vách nhôm, cột sắt hộp, kèo sắt hộp, mái tôn, cửa nhôm, kính khung nhôm có diện tích 12,76m²; Nhà tạm nền bê tông xi măng, cột sắt tròn, kèo sắt hộp, mái tôn, khung cột sắt, vách nhôm, cột kèo sắt hộp, vách tôn có diện tích 30m²; Nhà tạm nền nhựa bê tông, khung cột gỗ có mái che tôn có diện tích 10,5 m²; Mái che bằng tôn + cột sắt kèo + hộp có diện tích 11,28m²; Nhà tạm có diện tích 100m² có kết cấu cột kèo sắt hộp, mái tôn, nền bê tông xi măng và 03 cầu thang bằng sắt. Ngoài ra, còn tiến hành sửa chữa cải tạo lắp cửa kính, khung nhôm, lát gạch, sơn nước bên trong gác lửng của nhà xưởng. Tuy nhiên, Công ty S xác định phần sửa chữa, cải tạo tại gác lửng này không thể di dời được, trường hợp Tòa án tuyên phát mãi thì sẽ trả lại cho bị đơn luôn tài sản đã sửa chữa này, xem như tài sản này là của bị đơn để giao cho Ngân hàng thực hiện việc phát mãi luôn phần đã sửa chữa này, không yêu cầu gì về phần sửa chữa này. Trong kho thuê còn có các tài sản gồm máy móc, thiết bị vận hành, thành phẩm sợi của Công ty S. Ngoài ra, Công ty S xác định không còn đầu tư, xây dựng gì khác trên đất tranh chấp. Còn các tài sản khác gắn liền trên đất còn lại là của Công ty D.

Công ty S không có yêu cầu độc lập. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp Tòa án tuyên phát mãi tài sản thì Công ty S đồng ý chấm dứt hợp đồng với bị đơn và tự nguyện trả lại phần đất đã thuê và các tài sản gắn liền với phần đất đã thuê và di dời các máy móc, thiết bị của công ty đi ra khỏi đất để trả lại cho công ty B2, còn tài sản đã đầu

tư trên đất thì tự nguyện di dời trả lại cho công ty H5 ban đầu tại thời điểm xử lý thể chấp và không có yêu cầu đối với tài sản đã đầu tư. Đối với tài sản đã đầu tư sửa chữa cải tạo lắp cửa kính, khung nhôm, lát gạch, sơn nước bên trong gác lửng của nhà xưởng không thể di dời được thì công ty cũng không yêu cầu thanh toán giá trị, để lại cho bị đơn để thực hiện việc phát mãi theo quy định.

Công ty không có yêu cầu độc lập trong vụ án này, không yêu cầu giải quyết hợp đồng thuê về quyền và nghĩa vụ còn lại của hợp đồng thuê, giữa Công ty S với Công ty D các bên tự thỏa thuận với nhau về hợp đồng thuê, không thỏa thuận được sẽ khởi kiện thành vụ án khác theo quy định.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của Công ty Cổ phần H4 do ông Nguyễn Hữu V đại diện trình bày:*

Ngày 01/6/2021 Công ty Cổ phần H4 (gọi tắt Công ty H4) có ký hợp đồng thuê kho số 2021/MS-CĐTH/HĐTK với Công ty D. Theo đó, diện tích thuê là 9.700m², giá thuê 80.000 đồng/m²/tháng, thời hạn thuê là 60 tháng, tính từ ngày bàn giao mặt bằng kho và tiền đặt cọc là 3.104.000.000 đồng. Sau đó, Công ty H4 đã đặt cọc và Công ty D đã bàn giao mặt bằng theo thỏa thuận. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty H4 đã ký kết hợp đồng thi công với Công ty TNHH D3 để thi công sửa chữa một số công trình tại kho đã thuê. Ngày 23/4/2024, Công ty H4 ký kết Phụ lục số 01 với Công ty D. Theo đó, các bên xác định lại diện tích thuê kho là 9.200m² và tiền thuê kho theo diện tích điều chỉnh. Ngày 27/5/2024 Công ty H4 đã ký Thỏa thuận chuyển giao quyền và nghĩa vụ số 2024/MS-CĐTH với Công ty D và Công ty H4. Theo đó, Công ty H4 sẽ chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng thuê kho đã ký với Công ty D ngày 01/6/2021 cho Công ty H4.

Ngày 01/6/2024 Công ty H4 ký hợp đồng thuê kho số 2024/MSI-CĐTH/HĐKT với Công ty D. Theo đó, xác định hợp đồng thuê kho giữa Công ty H4 và các phụ lục kèm theo cùng thỏa thuận chuyển giao quyền và nghĩa vụ số 2024/MS-CĐTH ngày 27/5/2024 sẽ chấm dứt hiệu lực và được thay thế bằng hợp đồng thuê kho số 2024/MSI-CĐTH/HĐKT ngày 01/6/2024.

Trong thời gian thuê kho của Công ty D, Công ty Cổ phần H4 đã đầu tư theo biên bản thẩm định của Tòa án như sau: Nhà văn phòng có diện tích 25,84m² có kết cấu nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, vách tôn, cửa kính khung nhôm; 01 phần đường bãi đỗ xe phía trước dock xuất có kết cấu nền bê tông xi măng có diện tích 897,83m²; 01 phần đường từ hàng rào ra tới mặt đường khu công nghiệp có kết cấu nền bê tông xi măng có diện tích 256,61m²; Cổng khung lưới B40 có diện tích 59,4m²; Lắp Canopy có diện tích 167,1m²; Cửa cuốn dock xuất có diện tích 117,6m²; Khu vực nhà vệ sinh đã lắp đặt: Ốp gạch men 115,07m², lát nền gạch khu vực có diện tích 47,425m², 01 bồn cầu bệt + 04 bồn cầu xổm + thiết bị vệ sinh, 47,425m² trần thạch cao + mái tôn có diện tích 47,425m², 01 cửa đi nhôm kính nhà vệ sinh nữ có diện tích 1,8584m², hệ thống điện, nước và cửa bật nhôm đẩy qua lại khu vực WC có diện tích 0,95m², 01 cửa sắt kéo lối đi từ Văn phòng ra sảnh nhà WC có diện tích 1,173m²; 01 tivi 32 inch, 16 camera, 01 đầu ghi, 01 UPS; 01 máy lạnh; 08 đèn Led; 180 bóng điện; 350m dây cáp điện; 350m ống điện luồn dây; tôn sáng mà Công ty Cổ phần H4 đã thay có diện tích 144m²; hệ thống chống dột mái bằng hình thức dán keo chống dột lên tấm tôn sáng mới thay và các điểm tôn kẽm bị rỉ sét cần chống dột có diện tích 144m² và sơn chống rỉ mái tôn 01 lớp lót 02 lớp phủ bằng sơn dành riêng

cho chống rỉ sét có diện tích 1.099m². Ngoài ra, Công ty H4 xác định không còn đầu tư tài sản gì khác. Tất cả tài sản gắn liền trên phần đất thuê còn lại là của bị đơn.

Tại thời điểm ký hợp đồng thuê kho thì Công ty H4 không được thông báo và không biết phần kho Công ty H4 thuê bị đơn đang thế chấp ngân hàng. Công ty H4 xác định đối với đầu tư Công ty H4 đã đầu tư không có chuyển giao quyền sở hữu cho Công ty H4, chỉ chuyển giao quyền sử dụng. Theo đó, Công ty H4 cho Công ty H4 được tiếp tục sử dụng tài sản này cho đến khi chấm dứt hợp đồng thuê kho ký ngày 01/6/2024 với Công ty D. Do đó, các tài sản đã đầu tư trong thuê kho vẫn thuộc về Công ty Cổ phần H4. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền theo hợp đồng tín dụng thì Công ty H4 không có ý kiến. Trường hợp Tòa án tuyên phát mãi tài sản trên đất thì Công ty H4 đồng ý sẽ cùng với bị đơn xử lý chấm dứt hợp đồng tại thời điểm phát mãi. Đối với thiết bị vệ sinh, hệ thống điện nước gắn liền với nhà vệ sinh; Tôn sáng mà Công ty Cổ phần H4 đã thay có diện tích 144m²; Hệ thống chống dột mái bằng hình thức dán keo chống dột lên tấm tôn sáng mới thay và các điểm tôn kẽm bị rỉ sét cần chống dột có diện tích 144m² và sơn chống rỉ mái tôn 01 lớp lót 02 lớp phủ bằng sơn dành riêng cho chống rỉ sét có diện tích 1.099m² mà Công ty H4 đã đầu tư, sửa chữa thì khi Tòa án tuyên phát mãi thì sẽ đồng ý giao luôn tài sản đã sửa chữa này, xem như tài sản này là của bị đơn để giao cho Ngân hàng thực hiện việc phát mãi, không yêu cầu gì về phần sửa chữa này. Còn các tài sản không thể di dời khác còn lại gồm nhà văn phòng có diện tích 25,84m², nhà văn phòng có kết cấu nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, vách tôn, cửa kính khung nhôm; 01 phần đường bãi đỗ xe phía trước dock xuất có kết cấu nền bê tông xi măng có diện tích 897,83m²; 01 phần đường từ hàng rào ra tới mặt đường khu công nghiệp có kết cấu nền bê tông xi măng có diện tích 256,61m²; Cổng khung lưới B40 có diện tích 59,4m²; Lắp Canopy có diện tích 167,1m²; Cửa cuốn dock xuất có diện tích 117,6m²; Khu vực nhà vệ sinh đã lắp đặt: Ốp gạch men 115,07m², lát nền gạch khu vực có diện tích 47,425m²; 01 bồn cầu bệt; 04 bồn cầu xôm; 47,425m² trần thạch cao + mái tôn có diện tích 47,425m²; 01 cửa đi nhôm kính nhà vệ sinh nữ có diện tích 1,8584m²; cửa bật nhôm đẩy qua lại khu vực WC có diện tích 0,95m², 01 cửa sắt kéo lối đi từ Văn phòng ra sảnh nhà WC có diện tích 1,173m² thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật. Công ty H4 xác định không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án này. Đối với các quyền và nghĩa vụ còn lại khác của việc chấm dứt hợp đồng thuê kho số 2021/MS-CĐTH/HĐTK giữa Công ty H4 với công ty D các bên tự thỏa thuận với nhau, nếu không thỏa thuận được sẽ khởi kiện thành vụ án khác theo quy định.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của Công ty Cổ phần B1 do ông Nguyễn Hữu V đại diện trình bày:*

Ngày 23/4/2024 Công ty Cổ phần B1 (gọi tắt Công ty B1) có ký hợp đồng thuê kho số 2024/NET-ĐTH/HĐTK với Công ty D. Theo đó, diện tích thuê là 500m², giá thuê 91.592 đồng/m²/tháng, thời hạn thuê là 27 tháng, tính từ ngày bàn giao mặt bằng kho. Ngày 27/5/2024 Công ty B1 đã ký Thỏa thuận chuyển giao quyền và nghĩa vụ số 2024/NET-ĐTH với Công ty D và Công ty H4. Theo đó, Công ty B1 sẽ chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng thuê kho đã ký ngày 23/4/2024 với Công ty D cho Công ty H4.

Ngày 01/6/2024 Công ty H4 ký hợp đồng thuê kho số 2024/MSI-ĐTH/HĐKT

với Công ty D. Theo đó, xác định hợp đồng thuê kho giữa Công ty H4 và các phụ lục kèm theo cùng thoả thuận chuyển giao quyền và nghĩa vụ số 2024/NET-ĐTH ngày 27/5/2024 sẽ chấm dứt hiệu lực và được thay thế bằng Hợp đồng thuê kho số 2024/MSI-ĐTH/HĐKT ngày 01/6/2024. Từ khi thuê kho đến khi chấm dứt hợp đồng thuê kho, Công ty B1 không có đầu tư tài sản nào trên đất. Công ty B1 xác định hợp đồng thuê kho giữa Công ty B1 với Công ty D đã chấm dứt, hiện không còn quyền lợi và nghĩa vụ gì liên quan đến tài sản đã thuê trước đây và cũng không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án này.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của Công ty TNHH MTV H4 do ông Nguyễn Hữu V đại diện trình bày:*

Ngày 27/5/2024 Công ty H4 và Công ty B1 đã chuyển giao quyền và nghĩa vụ cho Công ty H4 để tiếp tục thực hiện việc thuê kho của bị đơn thoả thuận chuyển giao quyền và nghĩa vụ ba bên theo Thoả thuận chuyển giao quyền và nghĩa vụ số 2024/MSI-ĐTH và Thoả thuận chuyển giao quyền và nghĩa vụ số 2024/NET-ĐTH 2024/MSI-ĐTH. Ngày 01/6/2024 Công ty H4 ký hợp đồng thuê kho số 2024/MSI-ĐTH/HĐKT với thời hạn thuê là 01/6/2024 đến ngày 23/7/2026. Theo đó, hợp đồng này có hiệu lực thì sẽ chấm dứt hiệu lực của các hợp đồng thuê kho và phụ lục giữa Công ty H4 và Công ty B1 với Công ty D. Quá trình thuê kho, Công ty H4 không có đầu tư gì trên đất.

Đối với tài sản đã đầu tư của Công ty H4, Công ty H4 xác định không có sự chuyển giao quyền sở hữu, tất cả tài sản này vẫn là của Công ty H4. Công ty H4 cho Công ty H4 tiếp tục sử dụng các tài sản này cho đến khi chấm dứt hợp đồng thuê với Công ty D.

Tại thời điểm Công ty H4 ký hợp đồng thuê kho, Công ty D không có thông báo cho Công ty H4 biết về việc kho thuê nằm trên phần đất đang thế chấp ngân hàng và Công ty H4 cũng không biết gì về việc này. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền theo hợp đồng tín dụng thì Công ty H4 không có ý kiến, đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Toà án tuyên phát mãi tài sản trên đất, Công ty H4 đồng ý sẽ cùng với bị đơn chấm dứt hợp đồng tại thời điểm phát mãi. Đối với hàng hóa, nguyên liệu thành phẩm của Công ty H4, các xe nâng chở hàng thì Công ty H4 tự nguyện di dời đi ra khỏi đất để trả lại tất cả tài sản đã thuê cho công ty B2. Đối với tài sản đã đầu tư của Công ty H4, Công ty H4 tự nguyện trả lại Công ty H4 tại thời điểm chấm dứt hợp đồng thuê với Công ty D. Công ty H4 xác định không có yêu cầu độc lập trong vụ án này. Đối với các quyền và nghĩa vụ còn lại của hợp đồng thuê giữa Công ty H4 với Công ty D các bên tự thỏa thuận với nhau, nếu không thỏa thuận được sẽ khởi kiện thành vụ án khác theo quy định.

- Người làm chứng Công ty TNHH D3 do bà Từ Lệ Q1 đại diện trình bày:

Ngày 16/12/2021 Công ty TNHH D3 (gọi tắt là Công ty D3) có ký hợp đồng thi công với Công ty H4. Theo đó, Công ty TNHH D3 có trách nhiệm thi công các hạng mục công trình theo các phụ lục kèm theo hợp đồng thi công mà Công ty H4 đã cung cấp. Sau khi công trình thi công hai bên đã tiến hành nghiệm thu công trình và Công ty H4 đã thanh toán đầy đủ tiền thi công. Các công trình Công ty D3 đã tiến hành thi công đều được thể hiện tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Toà án

gồm: Nhà văn phòng có diện tích 25,84m²; 01 phần đường bãi đỗ xe phía trước dock xuất có diện tích 897,83m²; 01 phần đường từ hàng rào ra tới mặt đường khu công nghiệp có diện tích 256,61m²; Công khung lưới B40 có diện tích 59,4m²; Lắp Canopy có diện tích 167,1m²; Cửa cuốn dock xuất có diện tích 117,6m²; Khu vực nhà vệ sinh đã lắp đặt: Ốp gạch men 115,07m², lát nền gạch khu vực có diện tích 47,425m², 01 bồn cầu bet + 04 bồn cầu xôm + thiết bị vệ sinh, 47,425m² trần thạch cao + mái tôn có diện tích 47,425m², 01 cửa đi nhôm kính nhà vệ sinh nữ có diện tích 1,8584m², hệ thống điện, nước và cửa bật nhôm đẩy qua lại khu vực WC có diện tích 0,95m², 01 cửa sắt kéo lối đi từ Văn phòng ra sảnh nhà WC có diện tích 1,173m²; 08 đèn Led; 180 bóng điện; 350m dây cáp điện; 350m ống điện luồng dây; Thay tôn sáng có diện tích 144m²; Dán keo chống dột có diện tích 144m² và sơn chống rỉ có diện tích 1.099m². Đối với phần thay tôn sáng, dán keo chống dột, sơn chống rỉ theo nghiệm thu Công ty D3 ghi 9600m² là do trong xây dựng khi thi công sẽ thể hiện nguyên diện tích tổng của phần thi công chứ không thể hiện cụ thể một phần diện tích đã làm. Hiện Công ty D3 đã bàn giao công trình cho Công ty H4 và cũng không còn liên quan gì.

- *Người làm chứng ông Đoàn Dương L trình bày:*

Ông L xác nhận ngày 16/12/2021 ông L được bà Từ Lệ Q1 là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH D3 ủy quyền đứng ra ký kết hợp đồng thi công với Công ty H4 theo các Hợp đồng và Phụ lục mà Công ty H4 đã cung cấp. Thực tế Công ty D3 đã thi công và đã bàn giao công trình theo thỏa thuận với Công ty H4. Hiện Công ty D3 không còn quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan.

- *Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện:*

01 Quyền sử dụng đất thế chấp có diện tích 52.084,7m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB179986, số vào sổ cấp giấy chứng nhận là T00547/CN-05 do Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp ngày 20/10/2005 (cập nhật biến động ngày 06/07/2020) có các tài sản gắn liền trên đất gồm:

+ Hàng rào có kết cấu gạch xây tô có ốp đá phía ngoài, trụ bê tông, song sắt có tổng diện tích 2.457,48m²; 14 trụ bê tông có tổng thể tích 3,78m³; Nhà bảo vệ + nhà y tế có kết cấu như sau: nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, khung cột mái bê tông cốt thép (nhà y tế mái tôn), cửa kính khung nhôm có diện tích 10,50m x 4,5m = 47,25m²; Cổng phụ phía trước bằng sắt có diện tích: 1,2m x 2m = 2,4m²; Cổng sắt kéo có tay có chiều dài: 4,5m x 2m = 9m²; Sảnh đón có diện tích 67,08m² có kết cấu bê tông cốt thép nền láng nhựa đường; Nhà để xe có kết cấu cột kèo thép, mái tôn, nền bê tông xi măng, có tổng diện tích 180m²; Nhà ăn có kết cấu tường gạch xây tô sơn nước, khung cột gạch, trần thạch cao, vách bằng khung nhôm kính, cửa kính khung sắt, mái tôn có diện tích 288m²; Nhà vệ sinh có kết cấu nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, có ốp gạch men lưng, trần thạch cao, cửa kính khung nhôm có diện tích 32m²; Nhà chứa rác có kết cấu nền bê tông xi măng, khung cột gạch, mái tôn có diện tích 32m²; Bể nước + trạm bơm phòng cháy chữa cháy có kết cấu nền bê tông xi măng, khung cột gạch, tường gạch xây tô sơn nước, mái tôn, trong đó bể chứa nước có diện tích 162,16m², trạm bơm chữa cháy có diện tích 32,5m²; Xưởng cơ khí có kết cấu nền bê tông, tường gạch xây tô sơn nước, khung cột kèo thép hộp, mái tôn cách nhiệt có diện tích 171,2m²; Nhà kho có kết cấu nền bê tông xi măng, tường gạch xây tô sơn nước, có ốp gạch men lưng, khung cột kèo thép + bê

tông cốt thép trần thạch cao, mái tôn, cửa sắt kéo, cửa kính khung nhôm, phía trước là nhà trưng bày xe có diện tích 276m²; Nhà chứa rác nền láng vữa xi măng, tường gạch xây tô sơn nước, khung cột kèo sắt hộp mái tôn 32m²; Cổng trụ bê tông cốt thép, cửa sắt kéo bằng máy và 01 cổng phụ. Có kết cấu như sau: 03 trụ bê tông có thể tích $0,3\text{m} \times 0,3\text{m} \times 3\text{m} \times 3 = 0,81\text{m}^3$. Cổng phụ có diện tích $1,2\text{m} \times 2\text{m} = 2,4\text{m}^2$, Cửa sắt kéo bằng máy có diện tích $4,5\text{m} \times 3\text{m} = 13,5\text{m}^2$; Nhà văn phòng loại 02 tầng có kết cấu nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, khung cột sàn bê tông, cốt thép, trần thạch cao, cầu thang bằng bê tông cốt thép, ốp gạch, mái bê tông, trần thạch cao, cầu thang bằng bê tông cốt thép ốp gạch, cửa kính khung nhôm, cửa bằng kính cường lực có diện tích 360,24m²; Nhà tắm có diện tích 40,75m² có kết cấu nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, một phần ốp gạch men, mái tôn, khung cột gạch + nền bê tông cốt thép, cửa kính khung nhôm; Nhà chứa vật tư, nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, khung cột kèo thép, cửa sắt trần thạch cao, cửa kính khung nhôm có diện tích 135,5m²; Nhà kho dùng để lấy hàng, nền bê tông xi măng, tường gạch xây tô, cửa sắt cuốn, khung cột kèo + sắt hộp mái tôn có diện tích là 500m²; Nhà tắm gắn liền với nhà kho để lấy hàng có diện tích 100m²; Nhà xưởng loại 01 tầng có kết cấu nền bê tông xi măng, tường gạch xây tô sơn nước, cửa sắt cuốn, mái tôn, cửa kính khung nhôm, một số phòng đặt trong xưởng có trần thạch cao, cột kèo sắt có diện tích 246m²; Nhà xưởng có kết cấu tường gạch xây tô sơn nước, khung cột kèo thép mái tôn, phía dưới có tấm cách nhiệt có diện tích 1488,4m²; Trạm cân và nhà cân có kết cấu nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, mái tôn, cửa kính khung nhôm có diện tích 54m²; Nhà văn phòng phía trước trạm cân có diện tích 49,5 m² có kết cấu nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, khung cột gạch, trần tôn, cửa kính khung nhôm, mái tôn; Nhà kho chứa hàng có diện tích 10.800m² có kết cấu tường gạch xây tô sơn nước, mái tôn, cột kèo thép; Nhà xưởng loại 03 tầng (xưởng sợi DTY-VP) có diện tích 9.531,96 m² có kết cấu nền bê tông láng vữa xi măng, khung cột kèo thép, mái tôn, trần tôn cửa sắt kéo; Nhà liên kết giữa xưởng sợi DTY-VP và xưởng sợi POY nền bê tông xi măng, cột kèo sắt hộp + sắt I, mái tôn có diện tích 390,2m²; Xưởng sợi POY 06 tầng có diện tích 7.604,76m² có kết cấu nền bê tông có láng vữa xi măng, khung cột sàn bê tông cốt thép, mái bê tông cốt thép; Nhà tắm có diện tích 77,52m² có kết cấu cột kèo thép, mái tôn nền láng nhựa đường + bê tông xi măng; Nhà tắm phía trước có diện tích 157,5m² có kết cấu như sau nền bê tông xi măng, cột sắt tròn, kèo sắt hộp, mái tôn; 01 Trạm biến áp 2000 KVA và đồng hồ nước. Trên đất có một số cây trồng sau: Cây khế, cây xà cừ, cây xanh, cây chuối, cây dầu, cây tre, cây dừa, cây sung, cây xương rồng, cây trầm, cây hoa sữa, cây nhãn, cây sa kê, cây măng cầu, cây mận, cây xoài, cây trứng cá.

+ Tại khu vực nhà kho do Công ty TNHH MTV H4 thuê có các tài sản sau: Nhà bảo vệ có kết cấu 01 tầng, nền láng vữa xi măng, khung cột bê tông cốt thép, trần tôn, cửa kính khung nhôm mái tôn có diện tích 14,8m²; Nhà kho 01 tầng có láng vữa xi măng, tường gạch xây tô sơn nước, vách tôn, khung cột kèo thép, mái tôn, cửa sắt kéo có diện tích 9.700m²; Nhà văn phòng có diện tích 25,84m² có kết cấu như sau nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, vách tôn, cửa kính khung nhôm; Nhà vệ sinh có diện tích 50,4m² nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, cửa kính khung nhôm, mái tôn có ốp gạch men; Sân lát bê tông có diện tích 25,5m²; 01 Trạm biến áp 400 KVA và đồng hồ nước. Ngoài ra, tại thời điểm thẩm định trong kho thuê

còn có các tài sản gồm hàng hóa, nguyên liệu thành phẩm của Công ty TNHH MTV H4, các xe nâng chở hàng.

+ Tại khu vực nhà kho do Công ty TNHH S thuê có các tài sản sau: Nhà bảo vệ có diện tích 16,5m² có kết cấu như sau nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, ốp gạch men, cửa kính khung nhôm; Cửa kéo bằng tay có diện tích: 4,5m x 2m = 9m²; Nhà tạm có kết cấu nền bê tông xi măng, cột sắt tròn + hộp, kèo sắt hộp, mái bạt + tôn có diện tích 330m²; Nhà tạm có kết cấu nền bê tông xi măng cột sắt hộp + kèo sắt hộp + kèo sắt hộp, mái tôn có diện tích 88,4m²; Mái che bạt di động cột sắt hộp + kèo sắt hộp có diện tích 15,8m²; Nhà văn phòng có diện tích 38,4m², có kết cấu nền bê tông xi măng, khung cột kèo sắt, cửa kính khung sắt, có nhiều tấm cemboard; Nhà vệ sinh có kết cấu nền gạch men, khung nhôm, vách nhôm, cột sắt hộp, kèo sắt hộp, mái tôn, cửa nhôm, kính khung nhôm có diện tích 12,76m²; Nhà tạm nền bê tông xi măng, cột sắt tròn, kèo sắt hộp, mái tôn, khung cột sắt, vách nhôm, cột kèo sắt hộp, vách tôn có diện tích 30m²; Nhà tạm nền nhựa bê tông, khung cột gỗ có mái che tôn có diện tích 10,5 m²; Mái che bằng tôn + cột sắt kèo + hộp có diện tích 11,28m²; Nhà tạm có diện tích 100m², cột kèo sắt hộp, mái tôn, nền bê tông xi măng; Nhà xưởng loại 01 tầng có kết cấu như sau nền bê tông có lán vữa xi măng, tường gạch xây tô sơn nước, khung cột sàn bê tông cốt thép, có diện tích 1.758,3m²; 03 gác lửng có tổng diện tích 609m²; 01 Trạm biến áp 320 KVA, 01 Trạm biến áp 4000 KVA và đồng hồ nước. Trên đất có cây viết, cây xà cừ và cây trứng cá. Ngoài ra, tại thời điểm thẩm định trong kho thuê còn có các tài sản gồm máy móc, thiết bị vận hành, thành phẩm sợi của Công ty S.

+ Tại khu vực nhà kho do Công ty TNHH D15 có các tài sản sau: Nhà xưởng loại 01 tầng có diện tích 700m² có kết cấu nền bê tông có lán vữa xi măng, cột kèo thép + bê tông cốt thép, tường gạch xây tô sơn nước mái tôn, phía dưới có tấm cách nhiệt, cửa sắt kéo; Nhà văn phòng 36,8m², có kết cấu vách panel cách nhiệt, nền bê tông xi măng, khung cột nhôm, cửa bằng cách nhiệt khung nhôm, cột nhôm; Nhà tạm mái tôn, nền bê tông xi măng, cột sắt hộp, kèo sắt hộp có diện tích 37,5m². Trên đất thuê còn các máy móc, thiết bị vận hành của Công ty TNHH D7

+ Tại khu vực nhà kho do Công ty TNHH S thuê có các tài sản sau: Cổng sắt kéo có diện tích 24m²; 02 trụ bê tông 0,5 x 0,5 x 3m có thể tích 1,5m³; Nhà xưởng loại 01 tầng diện tích 700m² có kết cấu như sau nền bê tông có lán vữa xi măng, khung cột bê tông cốt thép + sắt hộp, tường gạch xây tô sơn nước, cửa sắt cuốn, mái tôn; Nhà tạm có diện tích 116,4m²; Nhà văn phòng có diện tích 44m² có kết cấu nền bê tông xi măng, khung cột nhôm vách và trần bằng tấm cách nhiệt, cửa bằng tấm cách nhiệt khung nhôm. Ngoài ra trên đất thuê còn các máy móc, vải sợi, thiết bị vận hành của Công ty TNHH S.

+ Nền bê tông xi măng, nhựa đường có diện tích 10.220m² (trong đó đã bao gồm phần đường do Công ty H4 cải tạo xây dựng và hiện Công ty TNHH MTV H4 đang sử dụng: 01 phần đường bãi đỗ xe phía trước dock xuất có kết cấu nền bê tông xi măng có diện tích 897,83m² và 01 phần đường từ hàng rào ra tới mặt đường khu công nghiệp có kết cấu nền bê tông xi măng có diện tích 256,61m²).

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 59/2024/KDTM-ST ngày 20/9/2024, Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ về việc:

- Yêu cầu Toà án tuyên bố chấm dứt hợp đồng cho thuê kho giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn D với Công ty Cổ phần H4 và hợp đồng cho thuê kho giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn D với Công ty Cổ phần B1.

- Buộc Công ty Cổ phần B1 phải giao lại cho Ngân hàng TMCP Đ toàn bộ phần diện tích đất và toàn bộ tài sản khác gắn liền với đất đã thuê của Công ty trách nhiệm hữu hạn D tại thửa đất số Lô 1.2, địa chỉ: KCN T, huyện D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 179986, số vào sổ: T00547/CN-05 do UBND tỉnh B cấp ngày 20/10/2005 (cập nhật biến động ngày 06/07/2020) để xử lý khi phát mãi.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đối với bị đơn Công ty TNHH D.

2.1 Buộc Công ty TNHH D phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền còn nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/277779/HĐTD ngày 02/6/2022; Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/277779/HĐTD ngày 16/6/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.230/2022/277779/HĐTD ngày 27/4/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.229/2022/277779/HĐTD ngày 27/4/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.228/2022/277779/HĐTD ngày 27/4/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.68/2022/277779/HĐTD ngày 28/10/2022; Hợp đồng tín dụng số 01.69/2022/277779/HĐTD ngày 28/10/2022; Hợp đồng tín dụng số 01.05/2023/277779/HĐTD ngày 28/6/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.67/2022/277779/HĐTD ngày 28/10/2022; Hợp đồng tín dụng số 01.04/2023/277779/HĐTD ngày 28/6/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.70/2022/277779/HĐTD ngày 01/11/2022; Hợp đồng tín dụng số 01.72/2022/277779/HĐTD ngày 03/11/2022; Hợp đồng tín dụng số 01.71/2022/277779/HĐTD ngày 02/11/2022; Hợp đồng tín dụng số 01.231/2022/277779/HĐTD ngày 04/05/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.232/2022/277779/HĐTD ngày 05/05/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.74/2022/277779/HĐTD ngày 09/11/2022; Hợp đồng tín dụng số 01.75/2022/277779/HĐTD ngày 10/11/2022; Hợp đồng tín dụng số 01.73/2022/277779/HĐTD ngày 09/11/2022; Hợp đồng tín dụng số 01.233/2022/277779/HĐTD ngày 08/05/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.236/2022/277779/HĐTD ngày 09/05/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.234/2022/277779/HĐTD ngày 08/05/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.237/2022/277779/HĐTD ngày 10/05/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.235/2022/277779/HĐTD ngày 09/05/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.238/2022/277779/HĐTD ngày 10/05/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.239/2022/277779/HĐTD ngày 11/05/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.06/2023/277779/HĐTD ngày 10/07/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.240/2022/277779/HĐTD ngày 12/05/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.241/2022/277779/HĐTD ngày 12/05/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.07/2023/277779/HĐTD ngày 13/07/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.76/2022/277779/HĐTD ngày 14/11/2022; Hợp đồng tín dụng số 01.08/2023/277779/HĐTD ngày 14/07/2023; Hợp đồng tín dụng số

01.82/2022/277779/HĐTD	ngày	17/11/2022;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.81/2022/277779/HĐTD	ngày	17/11/2022;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.79/2022/277779/HĐTD	ngày	16/11/2022;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.77/2022/277779/HĐTD	ngày	15/11/2022;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.242/2022/277779/HĐTD	ngày	15/05/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.78/2022/277779/HĐTD	ngày	16/11/2022;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.80/2022/277779/HĐTD	ngày	17/11/2022;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.243/2022/277779/HĐTD	ngày	16/05/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.83/2022/277779/HĐTD	ngày	18/11/2022;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.84/2022/277779/HĐTD	ngày	18/11/2022;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.09/2023/277779/HĐTD	ngày	18/7/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.89/2022/277779/HĐTD	ngày	23/11/2022;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.91/2022/277779/HĐTD	ngày	24/11/2022;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.87/2022/277779/HĐTD	ngày	22/11/2022;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.88/2022/277779/HĐTD	ngày	23/11/2022;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.85/2022/277779/HĐTD	ngày	22/11/2022;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.86/2022/277779/HĐTD	ngày	22/11/2022;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.92/2022/277779/HĐTD	ngày	24/11/2022;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.90/2022/277779/HĐTD	ngày	24/11/2022;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.95/2022/277779/HĐTD	ngày	25/11/2022;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.94/2022/277779/HĐTD	ngày	25/11/2022;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.10/2023/277779/HĐTD	ngày	25/07/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.93/2022/277779/HĐTD	ngày	25/11/2022;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.11/2023/277779/HĐTD	ngày	25/07/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.244/2022/277779/HĐTD	ngày	26/05/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.12/2023/277779/HĐTD	ngày	27/07/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.13/2023/277779/HĐTD	ngày	28/07/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.98/2022/277779/HĐTD	ngày	29/11/2022;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.97/2022/277779/HĐTD	ngày	29/11/2022;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.245/2022/277779/HĐTD	ngày	30/05/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.100/2022/277779/HĐTD	ngày	30/11/2022;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.246/2022/277779/HĐTD	ngày	31/05/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.96/2022/277779/HĐTD	ngày	30/11/2022;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.96/2022/277779/HĐTD	ngày	29/11/2022;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.101/2022/277779/HĐTD	ngày	30/11/2022;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.14/2023/277779/HĐTD	ngày	23/08/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.104/2022/277779/HĐTD	ngày	02/12/2022;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.104/2022/277779/HĐTD	ngày	02/12/2022;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.102/2022/277779/HĐTD	ngày	01/12/2022;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.103/2022/277779/HĐTD	ngày	02/12/2022;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.106/2022/277779/HĐTD	ngày	05/12/2022;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.105/2022/277779/HĐTD	05/12/2022;		Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.107/2022/277779/HĐTD	ngày	05/12/2022;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.109/2022/277779/HĐTD	ngày	06/12/2022;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.108/2022/277779/HĐTD	ngày	06/12/2022;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.110/2022/277779/HĐTD	ngày	06/12/2022;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.111/2022/277779/HĐTD	ngày	07/12/2022;	Hợp	đồng	tín	dụng	số

01.190/2022/277779/HĐTD	ngày	24/02/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.188/2022/277779/HĐTD	ngày	23/02/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.189/2022/277779/HĐTD	ngày	24/02/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.30/2023/277779/HĐTD	ngày	27/12/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.192/2022/277779/HĐTD	ngày	27/02/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.191/2022/277779/HĐTD	ngày	27/02/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.193/2022/277779/HĐTD	ngày	28/02/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.196/2022/277779/HĐTD	ngày	02/03/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.195/2022/277779/HĐTD	ngày	02/03/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.194/2022/277779/HĐTD	ngày	01/03/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.197/2022/277779/HĐTD	ngày	03/03/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.199/2022/277779/HĐTD	ngày	13/03/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.200/2022/277779/HĐTD	ngày	14/03/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.201/2022/277779/HĐTD	ngày	14/03/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.202/2022/277779/HĐTD	ngày	16/03/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.203/2022/277779/HĐTD	ngày	20/03/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.205/2022/277779/HĐTD	ngày	22/03/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.205/2022/277779/HĐTD	ngày	21/03/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.204/2022/277779/HĐTD	ngày	21/03/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.206/2022/277779/HĐTD	ngày	23/03/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.207/2022/277779/HĐTD	ngày	24/03/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.208/2022/277779/HĐTD	ngày	28/03/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.209/2022/277779/HĐTD	ngày	30/03/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.210/2022/277779/HĐTD	ngày	30/03/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.211/2022/277779/HĐTD	ngày	04/04/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.212/2022/277779/HĐTD	ngày	07/04/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.214/2022/277779/HĐTD	ngày	11/04/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.217/2022/277779/HĐTD	ngày	12/04/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.213/2022/277779/HĐTD	ngày	10/04/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.216/2022/277779/HĐTD	ngày	11/04/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.218/2022/277779/HĐTD	ngày	13/04/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.215/2022/277779/HĐTD	ngày	11/04/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.219/2022/277779/HĐTD	ngày	14/04/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.224/2022/277779/HĐTD	ngày	20/04/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.221/2022/277779/HĐTD	ngày	17/04/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.220/2022/277779/HĐTD	ngày	17/04/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.222/2022/277779/HĐTD	ngày	20/04/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.223/2022/277779/HĐTD	ngày	20/04/2023	tính đến ngày	13/9/2024	là		

282.886.753.189 (hai trăm tám mươi hai tỷ tám trăm tám mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn một trăm tám mươi chín) đồng, trong đó bao gồm nợ gốc là 249.996.517.127 (hai trăm bốn mươi chín tỷ chín trăm chín mươi sáu triệu năm trăm mười bảy nghìn một trăm hai mươi bảy) đồng, lãi trong hạn là 13.060.732.088 (mười ba tỷ không trăm sáu mươi triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn không trăm tám mươi tám) đồng, lãi nợ quá hạn 18.542.679.741 (mười tám tỷ năm trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm bốn mươi một) đồng và lãi chậm trả lãi là 1.286.824.233 (một tỷ hai trăm tám mươi sáu triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm ba mươi ba) đồng.

Tiền lãi được tiếp tục tính từ ngày 14/9/2024 cho đến khi Công ty TNHH D trả xong khoản nợ theo mức lãi suất thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/277779/HĐTD ngày 02/6/2022; Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/277779/HĐTD ngày 16/6/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.230/2022/277779/HĐTD ngày 27/4/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.229/2022/277779/HĐTD ngày 27/4/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.228/2022/277779/HĐTD ngày 27/4/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.68/2022/277779/HĐTD ngày 28/10/2022; Hợp đồng tín dụng số 01.69/2022/277779/HĐTD ngày 28/10/2022; Hợp đồng tín dụng số 01.05/2023/277779/HĐTD ngày 28/6/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.67/2022/277779/HĐTD ngày 28/10/2022; Hợp đồng tín dụng số 01.04/2023/277779/HĐTD ngày 28/6/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.70/2022/277779/HĐTD ngày 01/11/2022; Hợp đồng tín dụng số 01.72/2022/277779/HĐTD ngày 03/11/2022; Hợp đồng tín dụng số 01.71/2022/277779/HĐTD ngày 02/11/2022; Hợp đồng tín dụng số 01.231/2022/277779/HĐTD ngày 04/05/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.232/2022/277779/HĐTD ngày 05/05/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.74/2022/277779/HĐTD ngày 09/11/2022; Hợp đồng tín dụng số 01.75/2022/277779/HĐTD ngày 10/11/2022; Hợp đồng tín dụng số 01.73/2022/277779/HĐTD ngày 09/11/2022; Hợp đồng tín dụng số 01.233/2022/277779/HĐTD ngày 08/05/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.236/2022/277779/HĐTD ngày 09/05/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.234/2022/277779/HĐTD ngày 08/05/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.237/2022/277779/HĐTD ngày 10/05/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.235/2022/277779/HĐTD ngày 09/05/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.238/2022/277779/HĐTD ngày 10/05/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.239/2022/277779/HĐTD ngày 11/05/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.06/2023/277779/HĐTD ngày 10/07/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.240/2022/277779/HĐTD ngày 12/05/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.241/2022/277779/HĐTD ngày 12/05/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.07/2023/277779/HĐTD ngày 13/07/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.76/2022/277779/HĐTD ngày 14/11/2022; Hợp đồng tín dụng số 01.08/2023/277779/HĐTD ngày 14/07/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.82/2022/277779/HĐTD ngày 17/11/2022; Hợp đồng tín dụng số 01.81/2022/277779/HĐTD ngày 17/11/2022; Hợp đồng tín dụng số 01.79/2022/277779/HĐTD ngày 16/11/2022; Hợp đồng tín dụng số 01.77/2022/277779/HĐTD ngày 15/11/2022; Hợp đồng tín dụng số 01.242/2022/277779/HĐTD ngày 15/05/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.78/2022/277779/HĐTD ngày 16/11/2022; Hợp đồng tín dụng số 01.80/2022/277779/HĐTD ngày 17/11/2022; Hợp đồng tín dụng số 01.243/2022/277779/HĐTD ngày 16/05/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.83/2022/277779/HĐTD ngày 18/11/2022; Hợp đồng tín dụng số 01.84/2022/277779/HĐTD ngày 18/11/2022; Hợp đồng tín dụng số 01.09/2023/277779/HĐTD ngày 18/7/2023; Hợp đồng tín dụng số 01.89/2022/277779/HĐTD ngày 23/11/2022; Hợp đồng tín dụng số 01.91/2022/277779/HĐTD ngày 24/11/2022; Hợp đồng tín dụng số 01.87/2022/277779/HĐTD ngày 22/11/2022; Hợp đồng tín dụng số

01.202/2022/277779/HĐTD	ngày	16/03/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.203/2022/277779/HĐTD	ngày	20/03/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.205/2022/277779/HĐTD	ngày	22/03/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.205/2022/277779/HĐTD	ngày	21/03/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.204/2022/277779/HĐTD	ngày	21/03/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.206/2022/277779/HĐTD	ngày	23/03/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.207/2022/277779/HĐTD	ngày	24/03/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.208/2022/277779/HĐTD	ngày	28/03/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.209/2022/277779/HĐTD	ngày	30/03/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.210/2022/277779/HĐTD	ngày	30/03/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.211/2022/277779/HĐTD	ngày	04/04/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.212/2022/277779/HĐTD	ngày	07/04/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.214/2022/277779/HĐTD	ngày	11/04/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.217/2022/277779/HĐTD	ngày	12/04/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.213/2022/277779/HĐTD	ngày	10/04/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.216/2022/277779/HĐTD	ngày	11/04/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.218/2022/277779/HĐTD	ngày	13/04/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.215/2022/277779/HĐTD	ngày	11/04/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.219/2022/277779/HĐTD	ngày	14/04/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.224/2022/277779/HĐTD	ngày	20/04/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.221/2022/277779/HĐTD	ngày	17/04/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.220/2022/277779/HĐTD	ngày	17/04/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.222/2022/277779/HĐTD	ngày	20/04/2023;	Hợp	đồng	tín	dụng	số
01.223/2022/277779/HĐTD	ngày	20/04/2023.					

Trong trường hợp Công ty TNHH D không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2020/277779/HĐBĐ ngày 18/08/2020 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2020/277779/HĐBĐ ngày 11/09/2020, bao gồm các tài sản:

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 52.084,7m², thuộc thửa đất số Lô 1.2, địa chỉ: KCN T, huyện D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 179986, số vào sổ: T00547/CN-05 do UBND tỉnh B cấp ngày 20/10/2005 (cập nhật biến động ngày 06/07/2020) cho Công ty TNHH D.

+ Các tài sản gắn liền trên đất gồm:

- Nhà xưởng loại 03 tầng (xưởng sợi DTY-VP) có diện tích 9.531,96 m² có kết cấu nền bê tông lán vữa xi măng, khung cột kèo thép, mái tôn, trần tôn cửa sắt kéo; Xưởng sợi POY 06 tầng có diện tích 7.604,76m² có kết cấu nền bê tông có lán vữa xi măng, khung cột sàn bê tông cốt thép, mái bê tông cốt thép; trạm bơm phòng cháy chữa cháy có diện tích 32,5m²; Nhà ăn có kết cấu tường gạch xây tô sơn nước, khung cột gạch, trần thạch cao, vách bằng khung nhôm kính, cửa kính khung sắt, mái tôn có diện tích 288m²; Nhà để xe có kết cấu cột kèo thép, mái tôn, nền bê tông xi măng, có tổng diện tích 180m²; Xưởng cơ khí có kết cấu nền bê tông, tường gạch xây tô sơn nước, khung cột kèo thép hộp, mái tôn cách nhiệt có diện tích 171,2m² tại thửa đất số Lô 1.2, địa chỉ: Lô A, KCN T, huyện D (nay là thành phố D, tỉnh Bình

Dương theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 747252594800131, hồ sơ gốc số 31/CN-SHCT ngày 30/10/2008 của Ban Q2 cấp).

- Hàng rào có kết cấu gạch xây tô có ốp đá phía ngoài, trụ bê tông, song sắt có tổng diện tích 2.457,48m²; 14 trụ bê tông có tổng thể tích 3,78m³; Nhà bảo vệ + nhà y tế có kết cấu như sau: nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, khung cột mái bê tông cốt thép (nhà y tế mái tôn), cửa kính khung nhôm có diện tích 10,50m x 4,5m = 47,25m²; Cổng phụ phía trước bằng sắt có diện tích: 1,2m x 2m = 2,4m²; Cổng sắt kéo có tay có chiều dài: 4,5m x 2m = 9m²; Sân đón có diện tích 67,08m² có kết cấu bê tông cốt thép nền láng nhựa đường; Nhà vệ sinh có kết cấu nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, có ốp gạch men lửng, trần thạch cao, cửa kính khung nhôm có diện tích 32m²; Nhà chứa rác có kết cấu nền bê tông xi măng, khung cột gạch, mái tôn có diện tích 32m²; Bể nước có diện tích 162,16m²; Nhà kho có kết cấu nền bê tông xi măng, tường gạch xây tô sơn nước, có ốp gạch men lửng, khung cột kèo thép + bê tông cốt thép trần thạch cao, mái tôn, cửa sắt kéo, cửa kính khung nhôm, phía trước là nhà trưng bày xe có diện tích 276m²; Nhà chứa rác nền láng vữa xi măng, tường gạch xây tô sơn nước, khung cột kèo sắt hộp mái tôn 32m²; Cổng trụ bê tông cốt thép, cửa sắt kéo bằng máy và 01 cổng phụ. Có kết cấu như sau: 03 trụ bê tông có thể tích 0,3m x 0,3m x 3m x 3 = 0,81m³. Cổng phụ có diện tích 1,2m x 2m = 2,4m², Cửa sắt kéo bằng máy có diện tích 4,5m x 3m = 13,5m²; Nhà văn phòng loại 02 tầng có kết cấu nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, khung cột sàn bê tông, cốt thép, trần thạch cao, cầu thang bằng bê tông cốt thép, ốp gạch, mái bê tông, trần thạch cao, cầu thang bằng bê tông cốt thép ốp gạch, cửa kính khung nhôm, cửa bằng kính cường lực có diện tích 360,24m²; Nhà tạm có diện tích 40,75m² có kết cấu nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, một phần ốp gạch men, mái tôn, khung cột gạch + nền bê tông cốt thép, cửa kính khung nhôm; Nhà chứa vật tư, nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, khung cột kèo thép, cửa sắt trần thạch cao, cửa kính khung nhôm có diện tích 135,5m²; Nhà kho dùng để lấy hàng, nền bê tông xi măng, tường gạch xây tô, cửa sắt cuốn, khung cột kèo + sắt hộp mái tôn có diện tích là 500m²; Nhà tạm gắn liền với nhà kho để lấy hàng có diện tích 100m²; Nhà xưởng loại 01 tầng có kết cấu nền bê tông xi măng, tường gạch xây tô sơn nước, cửa sắt cuốn, mái tôn, cửa kính khung nhôm, một số phòng đặt trong xưởng có trần thạch cao, cột kèo sắt có diện tích 246m²; Nhà xưởng có kết cấu tường gạch xây tô sơn nước, khung cột kèo thép mái tôn, phía dưới có tấm cách nhiệt có diện tích 1488,4m²; Trạm cân và nhà cân có kết cấu nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, mái tôn, cửa kính khung nhôm có diện tích 54m²; Nhà văn phòng phía trước trạm cân có diện tích 49,5 m² có kết cấu nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, khung cột gạch, trần tôn, cửa kính khung nhôm, mái tôn; Nhà kho chứa hàng có diện tích 10.800m² có kết cấu tường gạch xây tô sơn nước, mái tôn, cột kèo thép; Nhà liên kết giữa xưởng sợi DTY-VP và xưởng sợi POY nền bê tông xi măng, cột kèo sắt hộp + sắt I, mái tôn có diện tích 390,2m²; Nhà tạm có diện tích 77,52m² có kết cấu cột kèo thép, mái tôn nền láng nhựa đường + bê tông xi măng; Nhà tạm phía trước có diện tích 157,5m² có kết cấu như sau nền bê tông xi măng, cột sắt tròn, kèo sắt hộp, mái tôn; 01 Trạm biến áp 2000 KVA và đồng hồ nước.

- Toàn bộ các cây trồng có trên đất: Cây khế, cây xà cừ, cây xanh, cây chuối, cây dầu, cây tre, cây dừa, cây sung, cây xương rồng, cây tràm, cây hoa sữa, cây nhãn, cây sa kê, cây măng cầu, cây mận, cây xoài, cây trứng cá và cây viết.

- Nhà bảo vệ có kết cấu 01 tầng, nền láng vữa xi măng, khung cột bê tông cốt thép, trần tôn, cửa kính khung nhôm mái tôn có diện tích 14,8m²; Nhà kho 01 tầng có láng vữa xi măng, tường gạch xây tô sơn nước, vách tôn, khung cột kèo thép, mái tôn, cửa sắt kéo có diện tích 9.700m² gắn liền với công trình Canopy có diện tích 167,1m² và Cửa cuốn dock xuất có diện tích 117,6m², tôn sáng có diện tích 144m²; Hệ thống chống dột mái bằng hình thức dán keo chống dột lên tấm tôn sáng mới thay và các điểm tôn kẽm bị rỉ sét cần chống dột có diện tích 144m² và sơn chống rỉ mái tôn 01 lớp lót 02 lớp phủ bằng sơn dành riêng cho chống rỉ sét có diện tích 1.099m² do Công ty Cổ phần H4 đã đầu tư; Nhà văn phòng có kết cấu như sau nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, vách tôn, cửa kính khung nhôm có diện tích 25,84m²; Nhà vệ sinh có diện tích 50,4m² nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, cửa kính khung nhôm, mái tôn có ốp gạch men gắn liền cả các công trình, thiết bị do Công ty Cổ phần H4 đầu tư, lắp đặt gồm: Ốp gạch men 115,07m², lát nền gạch khu vực có diện tích 47,425m², 01 bồn cầu bột + 04 bồn cầu xôm + thiết bị vệ sinh gắn liền với nhà vệ sinh, 47,425m² trần thạch cao + mái tôn có diện tích 47,425m², hệ thống điện nước gắn liền với nhà vệ sinh, 01 cửa đi nhôm kính nhà vệ sinh nữ có diện tích 1,8584m², cửa bật nhôm đẩy qua lại khu vực WC có diện tích 0,95m², 01 cửa sắt kéo lối đi từ Văn phòng ra sảnh nhà WC có diện tích 1,173m² mà Công ty Cổ phần H4 đã lắp đặt; Sân lát bê tông có diện tích 25,5m²; 01 Trạm biến áp 400 KVA và đồng hồ nước.

- Nhà bảo vệ có diện tích 16,5m² có kết cấu như sau nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, ốp gạch men, cửa kính khung nhôm; Cửa kéo bằng tay có diện tích: 4,5m x 2m = 9m²; Nhà xưởng loại 01 tầng có kết cấu như sau nền bê tông có láng vữa xi măng, tường gạch xây tô sơn nước, khung cột sàn bê tông cốt thép, có diện tích 1.758,3m²; 03 gác lửng có tổng diện tích 609m² gắn liền cả các cửa kính, khung nhôm, lót gạch, sơn nước bên trong gác lửng mà Công ty TNHH S đã cải tạo, sửa chữa; 01 Trạm biến áp 320 KVA, 01 Trạm biến áp 4000 KVA và đồng hồ nước.

- Nhà xưởng loại 01 tầng có diện tích 700m² có kết cấu nền bê tông có láng vữa xi măng, cột kèo thép + bê tông cốt thép, tường gạch xây tô sơn nước mái tôn, phía dưới có tấm cách nhiệt, cửa sắt kéo.

- Cổng sắt kéo có diện tích 24m²; 02 trụ bê tông 0,5 x 0,5 x 3m có thể tích 1,5m³; nhà xưởng loại 01 tầng diện tích 700m² có kết cấu như sau nền bê tông có láng vữa xi măng, khung cột bê tông cốt thép + sắt hộp, tường gạch xây tô sơn nước, cửa sắt cuốn, mái tôn và nhà tạm có diện tích 116,4m².

- Nền bê tông xi măng, nhựa đường có diện tích 10.220m² (trong đó có 01 phần đường bãi đỗ xe phía trước dock xuất có kết cấu nền bê tông xi măng có diện tích 897,83m²; 01 phần đường từ hàng rào ra tới mặt đường khu công nghiệp có kết cấu nền bê tông xi măng có diện tích 256,61m² do Công ty Cổ phần H4 đã đầu tư, xây dựng).

Khi phát mãi tài sản gắn liền với đất là các tài sản mà Công ty Cổ phần H4 đã đầu tư: Nhà văn phòng có diện tích 25,84m² có kết cấu nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, vách tôn, cửa kính khung nhôm; 01 phần đường bãi đỗ xe phía trước dock xuất có kết cấu nền bê tông xi măng có diện tích 897,83m²; 01 phần đường từ hàng rào ra tới mặt đường khu công nghiệp có kết cấu nền bê tông xi măng có diện tích 256,61m²; Canopy có diện tích 167,1m²; Cửa cuốn dock xuất có diện tích

117,6m²; khu vực nhà vệ sinh đã lắp đặt: Ốp gạch men 115,07m², lát nền gạch khu vực có diện tích 47,425m²; 01 bồn cầu bet; 04 bồn cầu xôm; 47,425m² trần thạch cao + mái tôn có diện tích 47,425m²; 01 cửa đi nhôm kính nhà vệ sinh nữ có diện tích 1,8584m²; cửa bật nhôm đẩy qua lại khu vực WC có diện tích 0,95m², 01 cửa sắt kéo lối đi từ Văn phòng ra sảnh nhà WC có diện tích 1,173m² thì Công ty Cổ phần H4 được Ngân hàng TMCP Đ thanh toán số tiền phát mãi thu được từ các tài sản này theo giá trị tại thời điểm Cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

2.2 Tuyên bố chấm dứt Hợp đồng dịch vụ thuê kho số 2023/ĐTH-NKT/HĐTK ngày 01/9/2023 giữa Công ty TNHH D với Công ty TNHH S tại thời điểm xử lý tài sản thế chấp.

- Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH S về việc tự nguyện di dời các máy móc, vải sợi, thiết bị vận hành, 01 nhà văn phòng có diện tích 44m² có kết cấu nền bê tông xi măng, khung cột nhôm vách và trần bằng tấm cách nhiệt, cửa bằng tấm cách nhiệt khung nhôm; 16 đèn tròn, 06 đèn dài 02 bóng, dây điện từ tủ điện Công ty bị đơn qua tủ điện kho Phan Nguyễn 200m, dây điện đi trong nội bộ là 100m; 01 đường cáp dây mạng; 01 bộ phát Wifi và 03 camera có trên đất thuê.

- Buộc Công ty TNHH D16 lại cho Ngân hàng TMCP Đ công sắt kéo có diện tích 24m²; 02 trụ bê tông 0,5 x 0,5 x 3m có thể tích 1,5m³; Nhà xưởng loại 01 tầng diện tích 700m² có kết cấu như sau nền bê tông có lán vữa xi măng, khung cột bê tông cốt thép + sắt hộp, tường gạch xây tô sơn nước, cửa sắt cuốn, mái tôn; Nhà tạm có diện tích 116,4m² gắn liền với phần đất thuê có diện tích 700m² thuộc thửa đất số Lô 1.2, địa chỉ: KCN T, huyện D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương đã được Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 179986, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T00547/CN-05 ngày 20/10/2005 (cập nhật biên động ngày 06/07/2020) cho Công ty TNHH D để xử lý khi phát mãi.

2.3 Tuyên bố chấm dứt Hợp đồng dịch vụ thuê kho số 2021/ĐTH-PHANNGUYEN/HĐTK ngày 01/10/2021 giữa Công ty TNHH D với Công ty TNHH D17 thời điểm xử lý tài sản thế chấp.

- Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH D4 việc tự nguyện di dời các máy móc, thiết bị vận hành, 01 nhà văn phòng 36,8m², có kết cấu vách panel cách nhiệt, nền bê tông xi măng, khung cột nhôm, cửa bằng cách nhiệt khung nhôm, cột nhôm; Nhà tạm mái tôn, nền bê tông xi măng, cột sắt hộp, kèo sắt hộp có diện tích 37,5m²; 01 máy lạnh hiệu Sharp và 01 máy lạnh hiệu LG; 20 bóng đèn và hệ thống dây điện gồm dây điện từ tủ điện Công ty bị đơn qua tủ điện kho Phan Nguyễn 200m, dây điện đi trong nội bộ là 100m; 01 đường cáp dây mạng; 01 bộ phát Wifi; 02 đèn năng lượng mặt trời loại 300W và 03 camera có trên đất thuê.

- Buộc Công ty TNHH D16 lại cho Ngân hàng TMCP Đ 01 nhà xưởng loại 01 tầng có diện tích 700m² có kết cấu nền bê tông có lán vữa xi măng, cột kèo thép + bê tông cốt thép, tường gạch xây tô sơn nước mái tôn, phía dưới có tấm cách nhiệt, cửa sắt kéo gắn liền với phần đất thuê có diện tích 700m² thuộc thửa đất số thửa đất số Lô 1.2, địa chỉ: KCN T, huyện D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 179986, số vào sổ: T00547/CN-05 do UBND tỉnh B cấp ngày 20/10/2005 (cập nhật biên động ngày 06/07/2020) cho Công ty TNHH D để xử lý khi phát mãi.

2.4 Tuyên bố chấm dứt Hợp đồng thuê nhà xưởng số DOTIHUTEX/2604/2024/HDTNX ngày 26/4/2024 giữa Công ty TNHH D với Công ty TNHH S tại thời điểm xử lý tài sản thế chấp.

- Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH S về việc tự nguyện di dời máy móc, thiết bị vận hành, thành phẩm sợi, 01 nhà tạm có kết cấu nền bê tông xi măng, cột sắt tròn + hộp, kèo sắt hộp, mái bạt + tôn có diện tích 330m²; Nhà tạm có kết cấu nền bê tông xi măng cột sắt hộp + kèo sắt hộp + kèo sắt hộp, mái tôn có diện tích 88,4m²; Mái che bạt di động cột sắt hộp + kèo sắt hộp có diện tích 15,8m²; Nhà văn phòng có diện tích 38,4m², có kết cấu nền bê tông xi măng, khung cột kèo sắt, cửa kính khung sắt, có nhiều tấm cemboard; Nhà vệ sinh có kết cấu nền gạch men, khung nhôm, vách nhôm, cột sắt hộp, kèo sắt hộp, mái tôn, cửa nhôm, kính khung nhôm có diện tích 12,76m²; Nhà tạm nền bê tông xi măng, cột sắt tròn, kèo sắt hộp, mái tôn, khung cột sắt, vách nhôm, cột kèo sắt hộp, vách tôn có diện tích 30m²; Nhà tạm nền nhựa bê tông, khung cột gỗ có mái che tôn có diện tích 10,5 m²; Mái che bằng tôn + cột sắt kèo + hộp có diện tích 11,28m²; Nhà tạm có diện tích 100m² có kết cấu cột kèo sắt hộp, mái tôn, nền bê tông xi măng và 03 cầu thang bằng sắt có trên đất thuê.

- Buộc Công ty TNHH S giao lại cho Ngân hàng TMCP Đ 01 nhà bảo vệ có diện tích 16,5m² có kết cấu như sau nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, ốp gạch men, cửa kính khung nhôm; Cửa kéo bằng tay có diện tích: 4,5m x 2m = 9m²; Nhà xưởng loại 01 tầng có kết cấu như sau nền bê tông có lán vỉa xi măng, tường gạch xây tô sơn nước, khung cột sàn bê tông cốt thép, có diện tích 1.758,3m²; 03 gác lửng có tổng diện tích 609m² bao gồm cả phần sửa chữa cải tạo lắp cửa kính, khung nhôm, lót gạch, sơn nước bên trong gác lửng; 01 Trạm biến áp 320 KVA, 01 Trạm biến áp 4000 KVA và đồng hồ nước, cây viết, cây xà cừ và cây trứng cá gắn liền với phần đất thuê có diện tích 3.395,42m² thuộc thửa đất số Lô 1.2, địa chỉ: KCN T, huyện D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 179986, số vào sổ: T00547/CN-05 do UBND tỉnh B cấp ngày 20/10/2005 (cập nhật biến động ngày 06/07/2020) cho Công ty TNHH D để xử lý khi phát mãi.

2.5 Tuyên bố chấm dứt Hợp đồng thuê số 2024/MSI-ĐTH/HĐTK ngày 01/6/2024 giữa Công ty TNHH D với Công ty TNHH MTV H4 tại thời điểm xử lý tài sản thế chấp.

- Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH MTV H4 về việc tự nguyện di dời hàng hóa, nguyên liệu thành phẩm của Công ty H4, các xe nâng chở hàng có trên đất thuê tại thời điểm xử lý tài sản thế chấp.

- Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần H4 về việc tự nguyện di dời Cổng khung lưới B40 có diện tích 59,4m²; 01 tivi 32 inch; 16 camera; 01 đầu ghi; 01 UPS; 01 máy lạnh; 08 đèn Led; 180 bóng điện; 350m dây cáp điện và 350m ống điện luồn dây có trên đất thuê tại thời điểm xử lý tài sản thế chấp.

- Buộc Công ty TNHH MTV H4 giao lại cho Ngân hàng TMCP Đ 01 nhà bảo vệ có kết cấu 01 tầng, nền lán vỉa xi măng, khung cột bê tông cốt thép, trần tôn, cửa kính khung nhôm mái tôn có diện tích 14,8m²; Nhà kho 01 tầng có lán vỉa xi măng, tường gạch xây tô sơn nước, vách tôn, khung cột kèo thép, mái tôn, cửa sắt kéo có diện tích 9.700m² gắn liền với công trình Canopy có diện tích 167,1m² và Cửa cuốn dock xuất có diện tích 117,6m², tôn sáng có diện tích 144m²; Hệ thống chống

dột mái bằng hình thức dán keo chống đột lên tấm tôn sáng mới thay và các điểm tôn kẽm bị rỉ sét cần chống đột có diện tích 144m² và sơn chống rỉ mái tôn 01 lớp lót 02 lớp phủ bằng sơn dành riêng cho chống rỉ sét có diện tích 1.099m² do Công ty Cổ phần H4 đã đầu tư; Nhà văn phòng có kết cấu như sau nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, vách tôn, cửa kính khung nhôm có diện tích 25,84m²; Nhà vệ sinh có diện tích 50,4m² nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, cửa kính khung nhôm, mái tôn có ốp gạch men gắn liền cả các thiết bị: Ốp gạch men 115,07m², lát nền gạch khu vực có diện tích 47,425m², 01 bồn cầu bet, 04 bồn cầu xôm + tất cả thiết bị vệ sinh còn lại của nhà vệ sinh, hệ thống điện nước gắn liền với nhà vệ sinh, 47,425m² trần thạch cao + mái tôn có diện tích 47,425m², 01 cửa đi nhôm kính nhà vệ sinh nữ có diện tích 1,8584m², cửa bật nhôm đẩy qua lại khu vực WC có diện tích 0,95m², 01 cửa sắt kéo lối đi từ Văn phòng ra sảnh nhà WC có diện tích 1,173m² mà Công ty Cổ phần H4 đã lắp đặt; 01 phần đường bãi đỗ xe phía trước dock xuất có kết cấu nền bê tông xi măng có diện tích 897,83m²; 01 phần đường từ hàng rào ra tới mặt đường khu công nghiệp có kết cấu nền bê tông xi măng có diện tích 256,61m²; Sân lát bê tông có diện tích 25,5m²; 01 Trạm biến áp 400 KVA và đồng hồ nước gắn liền với phần đất thuê có diện tích 9.700m² thuộc thửa đất số Lô 1.2, địa chỉ: KCN T, huyện D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 179986, số vào sổ: T00547/CN-05 do UBND tỉnh B cấp ngày 20/10/2005 (cập nhật biến động ngày 06/07/2020) cho Công ty TNHH D để xử lý khi phát mãi.

- Buộc Công ty Cổ phần H4 giao lại cho Ngân hàng TMCP Đ 01 nhà văn phòng có diện tích 25,84m² có kết cấu nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, vách tôn, cửa kính khung nhôm; 01 phần đường bãi đỗ xe phía trước dock xuất có kết cấu nền bê tông xi măng có diện tích 897,83m²; 01 phần đường từ hàng rào ra tới mặt đường khu công nghiệp có kết cấu nền bê tông xi măng có diện tích 256,61m²; Canopy có diện tích 167,1m²; Cửa cuốn dock xuất có diện tích 117,6m²; Khu vực nhà vệ sinh đã lắp đặt: Ốp gạch men 115,07m², lát nền gạch khu vực có diện tích 47,425m²; 01 bồn cầu bet; 04 bồn cầu xôm + tất cả thiết bị vệ sinh còn lại gắn liền với nhà vệ sinh mà Công ty Cổ phần H4 đã lắp đặt; 47,425m² trần thạch cao + mái tôn có diện tích 47,425m²; hệ thống điện nước gắn liền với nhà vệ sinh; 01 cửa đi nhôm kính nhà vệ sinh nữ có diện tích 1,8584m²; cửa bật nhôm đẩy qua lại khu vực WC có diện tích 0,95m², 01 cửa sắt kéo lối đi từ Văn phòng ra sảnh nhà WC có diện tích 1,173m²; Tôn sáng có diện tích 144m²; Hệ thống chống đột mái bằng hình thức dán keo chống đột lên tấm tôn sáng mới thay và các điểm tôn kẽm bị rỉ sét cần chống đột có diện tích 144m² và sơn chống rỉ mái tôn 01 lớp lót 02 lớp phủ bằng sơn dành riêng cho chống rỉ sét có diện tích 1.099m² gắn liền với phần đất thuê của Công ty TNHH MTV H4 có diện tích 9.700m² thuộc thửa đất số Lô 1.2, địa chỉ: KCN T, huyện D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 179986, số vào sổ: T00547/CN-05 do UBND tỉnh B cấp ngày 20/10/2005 (cập nhật biến động ngày 06/07/2020) cho Công ty TNHH D để xử lý khi phát mãi.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 27/9/2024, bị đơn Công ty TNHH D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho Công ty TNHH D thêm thời gian để trả nợ và miễn giảm lãi theo khoản

4 Điều 18 Thông tư 39/2016, được sửa đổi bổ sung theo thông tư 03/2023 của của Thống đốc Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn Công ty TNHH D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm số 59/2024/KDTM-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố D giải quyết buộc bị đơn Công ty TNHH D trả khoản nợ vay cho Ngân hàng theo các Hợp đồng tín dụng hạn mức là có căn cứ. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ xem xét.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bị đơn Công ty TNHH D kháng cáo trong hạn luật định, đơn kháng cáo có nội dung hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty S và Công ty P1 ông Phan Xuân H1, người đại diện hợp pháp của Công ty S là ông Đoàn Thanh H2 và người làm chứng ông Đoàn Dương L, người đại diện hợp pháp của Công ty D3 là bà Từ Lệ Q1 vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Xét thấy, những người này đã có lời khai đầy đủ trong quá trình tham gia tố tụng, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ với Công ty TNHH D đều thống nhất xác nhận hai bên có ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/277779/HĐTD ngày 02/6/2022 với nội dung B cấp cho Công ty D hạn mức tín dụng thường xuyên 250.000.000.000 đồng theo hình thức cho vay từng lần, tức giải ngân trên cơ sở đảm bảo dư nợ của bị đơn không vượt 250.000.000.000 đồng. Mỗi lần vay vốn các bên sẽ ký kết một hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể để ghi nhận thông tin về khoản vay từng lần bao gồm thời hạn vay, lãi suất cho vay và cơ chế điều chỉnh lãi suất. Ngoài

ra, các bên còn thỏa thuận lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Ngân hàng B đã thực hiện giải ngân cho Công ty D 208 lần thông qua 208 Hợp đồng hạn mức cụ thể, số tiền đã giải ngân là 252.041.795.686 đồng. Tính đến hết ngày 13/9/2024 thì tổng số nợ Công ty D còn thiếu tạm tính là 282.886.753.189 đồng, trong đó nợ gốc là 249.996.517.127 đồng, lãi trong hạn là 13.060.732.088 đồng, lãi nợ quá hạn 18.542.679.741 đồng và lãi chậm trả lãi là 1.286.824.233 đồng. Đây là chứng cứ không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2.2] Xét kháng cáo của Công ty TNHH D, nhận thấy:

Tại tiểu mục 5 mục III phân xét duyệt của Ngân hàng trong các Hợp đồng tín dụng cụ thể được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ và Công ty TNHH D thì các bên thỏa thuận lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Trường hợp lãi suất trong hạn được điều chỉnh thì lãi suất nợ quá hạn sẽ tính theo mức lãi suất trong hạn đã được điều chỉnh. Lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả): 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Do đó, bị đơn phải chịu các khoản lãi, lãi quá hạn phát sinh theo Các Hợp đồng tín dụng cụ thể đã ký.

Bị đơn kháng cáo đề nghị được miễn giảm theo quy định tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận và Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 của Ngân hàng N1 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 vì hiện tại bị đơn không có khả năng, không có dòng tiền để thanh toán. Tuy nhiên, nguyên đơn không đồng ý xem xét gia hạn khoản nợ, không đồng ý cho bị đơn khoảng thời gian được tự thanh lý tài sản hay miễn giảm tiền lãi, lãi phát sinh trả chậm, lãi phạt và các khoản phí liên quan đến trả chậm.

Theo Khoản 4, Điều 18, Thông tư 39/2016/TT-NHNN; được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 quy định: “4. Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về thứ tự thu nợ gốc, lãi tiền vay. Đối với khoản nợ vay bị quá hạn trả nợ, tổ chức tín dụng thực hiện theo thứ tự nợ gốc thu trước, nợ lãi tiền vay thu sau. Đối với khoản nợ vay có một hoặc một số kỳ hạn trả nợ bị quá hạn, tổ chức tín dụng thực hiện thu nợ theo thứ tự thu nợ gốc đã quá hạn, thu nợ lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả, thu nợ gốc đến hạn, thu nợ lãi trên nợ gốc mà đến hạn chưa trả.” Bị đơn kháng cáo yêu cầu được gia hạn trả lãi căn cứ vào quy định trên mà không thỏa thuận được với nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận vì không phù hợp với thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng.

Đối với xử lý các hợp đồng thuê nhà xưởng gồm : Hợp đồng thuê số 2024/MSI-ĐTH/HĐTK ngày 01/6/2024 với Công ty TNHH MTV H4; Hợp đồng dịch vụ thuê kho số 2023/ĐTH-NKT/HĐTK ngày 01/9/2023 với Công ty TNHH S; Hợp đồng dịch vụ thuê kho số 2021/ĐTH-PHANNGUYEN/HĐTK ngày 01/10/2021 với Công ty TNHH D8 Hợp đồng thuê nhà xưởng số DOTIHUTEX/2604/2024/HDTNX ngày 26/4/2024 với Công ty TNHH S. Nhận thấy, việc cho thuê giữa bị đơn với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phát sinh

sau khi thế chấp. Khi cho thuê, bị đơn không thông báo cho Ngân hàng về việc cho thuê và cũng không thông báo cho những doanh nghiệp thuê biết về phần tài sản thuê nằm trên đất thế chấp. Điều này được các đương sự thừa nhận trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu tuyên bố chấm dứt tất cả các Hợp đồng thuê phát sinh giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn D với Công ty TNHH S, Công ty TNHH S và Công ty TNHH H4 về việc thuê kho tại phần đất đang thế chấp Ngân hàng TMCP Đ tại thời điểm xử lý tài sản thế chấp là phù hợp.

Đối với yêu cầu của B về việc buộc các Công ty D1, Công ty S, Công ty H4, Công ty H4 và Công ty S giao lại tài sản đã thuê để xử lý khi phát mãi: Tại khoản 5 Điều 323 Bộ luật Dân sự quy định về quyền của bên nhận thế chấp: “*Yêu cầu bên thế chấp hoặc người thứ ba giữ tài sản thế chấp giao tài sản đó cho mình để xử lý khi bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.*” và tại điểm c khoản 2 Điều 324 Bộ luật Dân sự quy định về nghĩa vụ của người thứ ba giữ tài sản thế chấp: “*Giao lại tài sản thế chấp cho bên nhận thế chấp hoặc bên thế chấp theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật.*”. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Công ty D1, Công ty S, Công ty H4, Công ty H4 và Công ty S cũng đồng ý giao lại toàn bộ tài sản đã thuê để xử lý khi phát mãi. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc các Công ty D1, Công ty S, Công ty H4, Công ty H4 và Công ty S giao lại tài sản đã thuê để xử lý khi phát mãi là phù hợp.

Tại cấp phúc thẩm Bị đơn Công ty TNHH D kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không được chấp nhận; quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Về chi phí tố tụng: Bị đơn Công ty TNHH D phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 144, 147, khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 296, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức Tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);
- Căn cứ các Điều 119, 122, 131, 317, 318, 325 và 422 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ BTVQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bị đơn Công ty TNHH D về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

2. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 59/2024/KDTM-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty TNHH D phải chịu 2.000.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 (hai triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001689 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố D;
- TAND thành phố D;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thắm